Thành phố Sagamihara

Tiếng Việt／ベトナム語

Bản lưu giữ

Bản năm 2016

*Vì chúng tôi không cấp phát hàng năm nên vui lòng lưu giữ cẩn thận.

Lịch trình - Cách vứt bỏ rác thải và rác thải tài nguyên

Vui lòng vứt bỏ trước 8 giờ 30 phút sáng của ngày thu gom. (Ngoại trừ rác thải thông thường và pin khô ở khu vực thu gom ban đêm)
Vui lòng ghi ngày thu gom và sử dụng. (Danh sách ngày thu gom ở trang 27~31)

Rác thải thông thường

2 lần/tuần

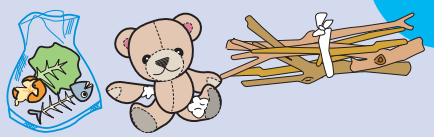

Thứ

Pin khô…
Lần thứ 2 trong tuần thu gom.

Thu gom cả ngày lễ. Tuy nhiên, ngoại trừ ngày 31 tháng 12 ~ ngày 3 tháng 1.

Rác thải tài nguyên

1 lần/tuần

Các loại chai, lọ, các loại lon, hộp, các loại đồ kim loại, các loại giấy
Các loại vải, đèn huỳnh quang, nhiệt kế thủy ngân
Dầu ăn đã qua sử dụng

Thứ

Thu gom cả ngày lễ. Tuy nhiên, ngoại trừ ngày 31 tháng 12 ~ ngày 3 tháng 1.

Nhựa của bao hộp gói

1 lần/tuần

Chai PET

Bao hộp gói bằng nhựa

Thứ

Thu gom cả ngày lễ. Tuy nhiên, ngoại trừ ngày 31 tháng 12 ~ ngày 3 tháng 1.

Đồ điện gia dụng loại nhỏ đã qua sử dụng

Bất kỳ lúc nào

Đồ điện gia dụng loại nhỏ hoạt động bằng điện hoặc bằng pin, được bỏ vào hộp thu hồi (miệng hộp có kích thước ngang 30 cm x cao 15 cm)

Vui lòng bỏ vào hộp thu hồi màu vàng được đặt ở các cơ sở công cộng trong thành phố, v.v…
*Tham khảo địa điểm đặt hộp ở trang 17

Rác cồng kềnh

Có tính phí

Thu gom theo hộ — **Nơi đăng ký ĐT: 042-774-9933**

Chúng tôi sẽ đến thu gom từng nhà khi có đăng ký trước.

Vận chuyển trực tiếp

Bạn có thể trực tiếp tự mang đến các cơ sở.

Tái chế đồ điện gia dụng

Tái chế để sản xuất

Máy lạnh, tivi, tủ lạnh - tủ đông, máy giặt - máy sấy quần áo

Trường hợp đổi sản phẩm — Vui lòng thanh toán chi phí (phí tái chế + phí thu gom vận chuyển) và giao cho cửa hàng nơi đổi sản phẩm.

Trường hợp chỉ hủy bỏ — Vui lòng thanh toán chi phí (phí tái chế + phí thu gom vận chuyển) và giao cho cửa hàng nơi đã mua.

Vui lòng xem trang 23 về trường hợp không thể giao cho cửa hàng.

Nơi liên hệ

Trung tâm cuộc gọi giải đáp thắc mắc Sagamihara

8 giờ sáng ~ 9g tối (Không có ngày nghỉ trong năm)

ĐT: 042-770-7777

*Vui lòng lưu ý để không gọi nhầm.

©Thành phố Sagamihara

Ứng dụng phân loại rác thải thành phố Sagamihara dành cho smartphone

Shigenjar Search

Dành cho iPhone

Dành cho Android

Linh vật "Lemon-chan"
© Thành phố Sagamihara

Bạn có thể cắt ra và dán vào tủ lạnh, v.v… để sử dụng.

Contents

Nỗ lực của thành phố Tr.2~5
Về việc vứt bỏ rác thải Tr.6 - 7
Rác thông thường - Pin khô Tr.8 - 9
Rác thải tài nguyên Tr.10~13
Nhựa của bao hộp gói Tr.14 - 15
Đồ điện gia dụng loại nhỏ đã qua sử dụng - PC Tr.16 - 17
Rác cồng kềnh Tr.18~23
Đồ vật không thể xử lý ở thành phố Tr.24 - 25
Danh sách ngày thu gom Tr.26~31
Danh sách nơi liên hệ Tr.32

混ぜればごみ、分ければ資源！

相模原市民のごみ減量作戦

相模原ごみDE71大作戦

市では、「地球環境を守るレモン1個（100g）分のスリム」として「相模原ごみDE71大作戦」を実施しています。

これは、平成20年度の1人1日あたりの家庭ごみ排出量が572gであったことを受け、平成30年までに480gにすること（約100gの減量）を目標に行っているものです。

減量目標達成に向け、更なるごみと資源の分別にご協力をお願いいたします。

相模原市1人1日あたりの家庭ごみ排出量

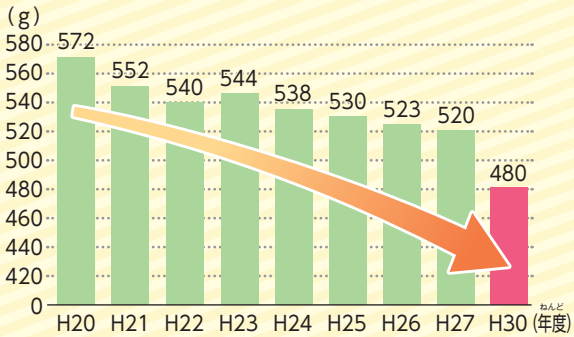

1人1日100g減量でこんな効果が!!

CO_2削減
10,700トン
1年間でスギ74万本が吸収するCO_2量

ごみ減量
1年間で26,000トン
ごみ収集車約13,000台分

最終処分場延命
4～6年の延命

ごみ処理経費削減
1年間で2～3億円

家庭から排出される一般ごみの内訳（重量比）

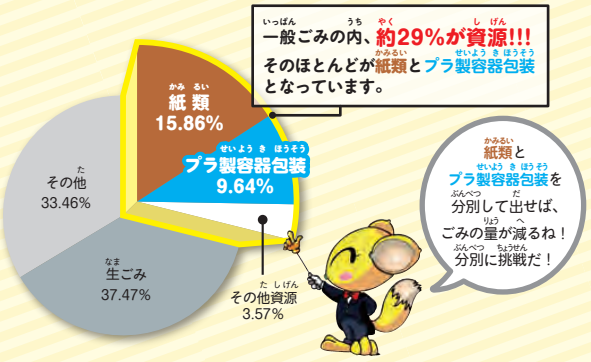

© 相模原市

資源は、こんなものに生まれ変わります。

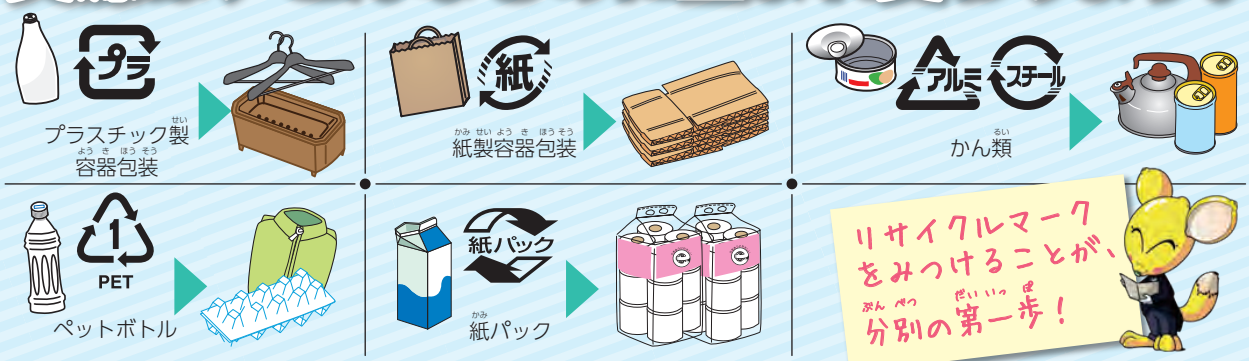

Nếu bị trộn lẫn sẽ thành rác thải, nếu được phân loại sẽ thành rác thải tài nguyên!

"Rác thải DE71" có nghĩa là gì?

Chiến lược làm giảm lượng rác thải của cư dân thành phố Sagamihara

Chiến lược lớn rác thải DE71 Sagamihara

"DE" là "Do it,Everybody!"
***Mọi người hãy cùng hành động!**
Có nghĩa là tất cả cư dân thành phố Sagamihara gồm 710.000 người (thời điểm năm 2010) hãy cùng nhau nỗ lực làm giảm lượng rác thải và tài nguyên hóa rác thải!

Ở thành phố, chúng tôi đang thực hiện "Chiến lược lớn rác thải DE71 Sagamihara" với vai trò "làm giảm từng chút lượng rác thải tương đương 1 quả chanh (100g) để bảo vệ môi trường trái đất".
Đây là chiến lược nhằm mục tiêu làm giảm lượng phát thải rác thải gia đình từ 572g cho 1 người/ngày vào năm 2008 xuống còn 480g trước năm 2018 (làm giảm lượng rác thải khoảng 100g).
Vui lòng hợp tác nhiều hơn nữa trong việc phân loại rác thải gia đình và rác thải tài nguyên nhằm đạt được mục tiêu làm giảm lượng rác thải .

Lượng phát thải rác thải gia đình cho 1 người/ngày của thành phố Sagamihara

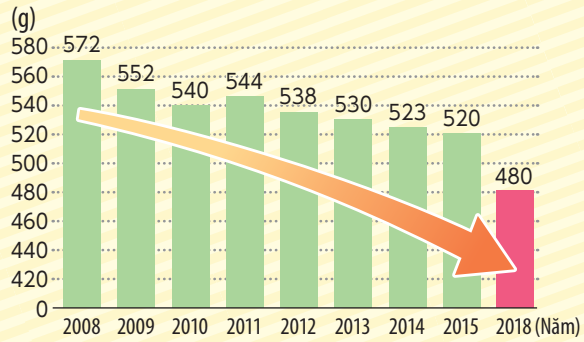

Hiệu quả làm giảm 100g lượng rác thải cho 1 người/ngày là đây!!

Cắt giảm CO_2
10.700 tấn
Lượng CO_2 mà 740.000 cây tuyết tùng Nhật Bản hấp thụ trong 1 năm

Làm giảm lượng rác thải
26.000 tấn trong 1 năm
Khoảng 13.000 chiếc xe thu gom rác thải

Kéo dài tuổi thọ trạm xử lý cuối cùng
Kéo dài tuổi thọ từ 4~6 năm

Cắt giảm chi phí xử lý rác thải
200 ~ 300 triệu yên trong 1 năm

Chi tiết phân loại rác thải thông thường được phát thải từ các hộ gia đình (Tỷ lệ khối lượng)

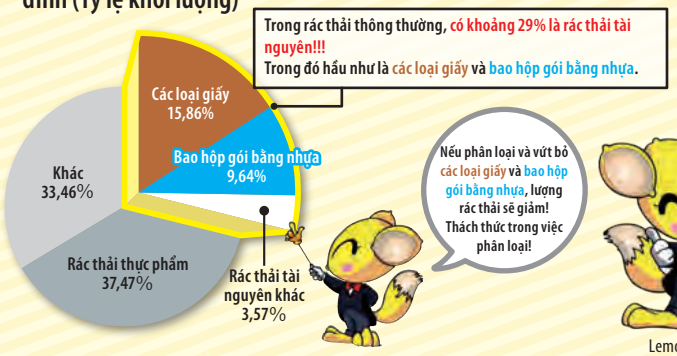

Rác thải tài nguyên sẽ được tái tạo thành những đồ vật này.

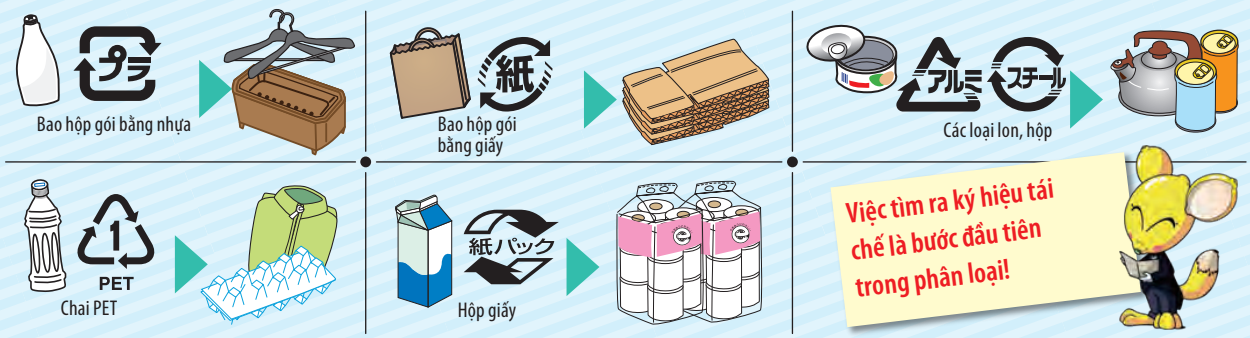

今日からチャレンジ!! 100g減量のための4R

日常生活の中で、なるべくごみを出さないライフスタイルを心がけましょう。

Refuse〈リフューズ〉

不必要なものは買わない、使わない

- 買い物にはマイバックを
- 割りばしや使い捨てのスプーンは断る
- 買い物時過剰包装を断る
- 買い物は計画的に

Reduce〈リデュース〉

ごみになるものを減らす

- 食べ残しをしない/食品を食べきる
- 詰め替え商品を買う
- 生ごみは水切りをする

Reuse〈リユース〉

ものを繰り返し使う

- フリーマーケットやリサイクルショップを利用する
- 壊れたものは修理して使う
- マイボトル、マイはしを使う

Recycle〈リサイクル〉

再び資源として使う

- ごみと資源（かん、びん、古紙等）は、分別して出す
- 生ごみを堆肥化する

生ごみの水切りにご協力を！

〈家庭から排出される一般ごみの内訳〉

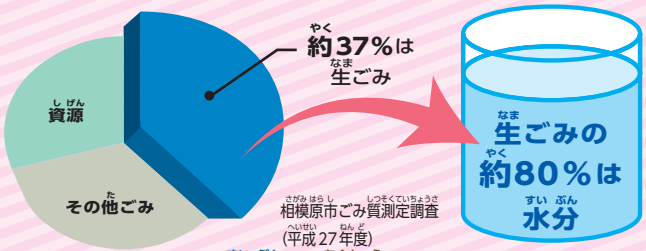

相模原市ごみ質測定調査（平成27年度）

生ごみに含まれる**水分**は**悪臭**などの原因となります。

生ごみを**絞る・乾かす**

ごみの嫌な臭いや重さが減り
ごみ出しの負担も軽くなる！

生ごみ処理容器等の活用で、さらに効果的！

相模原市では、生ごみ処理容器等の購入費の半額（※）を助成しています!

【対象品】2,000円を超える生ごみ処理容器等（電動式乾燥型・バイオ型、コンポスト化容器、密閉式容器）
【対象者】市内在住の方。1世帯に1台まで（コンポスト化容器及び密閉式容器は2台まで）
【助成額】※購入金額の2分の1以内（100円未満切り捨て、限度額30,000円）
【その他】市外の販売店やインターネット等での購入
（領収書が発行される場合のみ）も対象となります。

問い合わせ先　資源循環推進課　☎ 042-769-8334

詳細はこちら！→ 相模原市　生ごみ処理容器　検索

電動式乾燥型

コンポスト化容器

4Rを学びましょう!! リサイクルスクエア

リサイクルスクエアとは、「ものを大切にする心」を育成し、4R（リフューズ、リデュース、リユース、リサイクル）について考えていただくための施設です！市民の皆様も4Rについて考えてみませんか？

■リユース家具の展示・提供

粗大ごみの中から再利用できる「家具類」を修理清掃したのちに展示し、抽選で市民の方に提供しています。

展示期間：毎月1日～20日《無休》
（1月は6日～20日、2月は1日～18日）
開所時間：午前9時～午後5時
申し込み：市内在住の中学生以上の方（施設、1人1点限り）
抽選発表：毎月21日（2月は19日）午後1時
※施設に掲示するとともに、当選者に「はがき」で通知します。
引渡期間：抽選発表後各月28日（2月は26日）まで

■啓発コーナー

資源として出されたものは、どのようにリサイクルされるのかなど、実際に見て触れるコーナーを設けています。

橋本台リサイクルスクエア

☎042-774-2050　緑区下九沢2084-3

アクセス
《バス》JR横浜線相模原駅・橋本駅南口から神奈中バス「峡の原車庫行」の「金属工業団地」で下車、徒歩10分又は橋本駅南口からコミュニティバス「北の丘センター」下車、徒歩2分
※平成29年度、南清掃工場隣に、（仮称）麻溝台リサイクルスクエアを新たに開設予定

Thách thức từ ngày hôm nay!!

4R để làm giảm 100g lượng rác thải

Trong cuộc sống hàng ngày, chúng ta hãy chú trọng đến lối sống cố gắng không vứt bỏ rác thải.

Refuse <Từ chối>

Không mua, không sử dụng những đồ vật không cần thiết

- Sử dụng túi mua hàng tái sử dụng khi mua sắm
- Loại bỏ sử dụng đũa hoặc muỗng dùng một lần
- Loại bỏ sử dụng bao bì quá nhiều lớp khi mua sắm
- Lên kế hoạch mua sắm

Reduce <Giảm thiểu>

Giảm những đồ vật có thể trở thành rác thải

- Không để thừa thức ăn/ăn hết đồ ăn
- Mua sản phẩm có thể thay khi dùng hết
- Làm ráo nước rác thải thực phẩm

Reuse <Tái sử dụng>

Sử dụng lại đồ vật nhiều lần

- Tận dụng chợ phiên hoặc cửa hàng đồ cũ
- Sửa đồ vật bị hỏng và sử dụng
- Sử dụng chai nước cá nhân hoặc đũa cá nhân

Recycle <Tái chế>

Sử dụng lại như rác thải tài nguyên

- Phân loại và vứt bỏ rác thải và rác thải tài nguyên (lon, hộp, chai, lọ, giấy cũ, v.v…)
- Ủ rác thải thực phẩm

Hãy hợp tác trong việc làm ráo nước rác thải thực phẩm!

〈Chi tiết phân loại rác thải thông thường được phát thải từ các gia đình〉

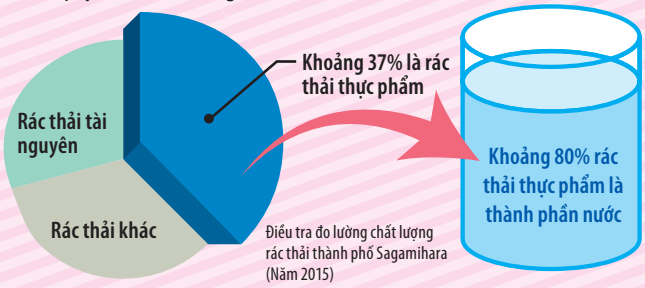

Điều tra đo lường chất lượng rác thải thành phố Sagamihara (Năm 2015)

Thành phần nước chứa trong rác thải thực phẩm là nguyên nhân gây ra **mùi hôi**, v.v…

Chắt nước, làm khô rác thải thực phẩm

Mùi hôi hoặc khối lượng rác thải sẽ giảm và trách nhiệm vứt bỏ rác thải cũng trở nên nhẹ nhàng hơn!

Hãy tận dụng đồ đựng xử lý rác thải thực phẩm hiệu quả hơn nữa!

Ở thành phố Sagamihara, chúng tôi đang hỗ trợ một nửa (*) chi phí mua đồ đựng xử lý rác thải thực phẩm!

[Sản phẩm hỗ trợ] Đồ đựng xử lý rác thải thực phẩm trên 2.000 yên (Kiểu sấy khô loại điện động – kiểu sinh học, đồ đựng ủ phân, đồ đựng kiểu kín khí)
[Đối tượng hỗ trợ] Những người đang thường trú trong thành phố. Tối đa 1 cái cho 1 hộ gia đình (tối đa 2 cái cho đồ đựng ủ phân và đồ đựng kiểu kín khí)
[Mức hỗ trợ] *Trong vòng 1/2 giá mua (Làm tròn xuống dưới 100 yên, hạn mức 30.000 yên)
[Khác] Mua ở cửa hàng ngoài thành phố hoặc trên internet, v.v… cũng được hỗ trợ (chỉ dành cho trường hợp được phát hành hóa đơn).

Nơi liên hệ Ban xúc tiến tuần hoàn tài nguyên ĐT:042-769-8334

Xem chi tiết tại đây!
http://www.city.sagamihara.kanagawa.jp/recycle/katei/003191.html

Kiểu sấy khô loại điện động

Đồ đựng ủ phân

Hãy cùng tìm hiểu về 4R nào!! Recycle Square

Recycle Square là cơ sở để bồi dưỡng "ý thức xem trọng đồ vật", và chỉ dẫn về 4R (Refuse, Reduce, Reuse, Recycle)!
Tất cả cư dân thành phố cũng đã thử suy nghĩ về 4R chưa?

Trưng bày và cung cấp đồ gia dụng tái sử dụng

Sau khi đã sửa chữa và làm sạch "các loại đồ gia dụng" có thể tái sử dụng từ rác cồng kềnh, chúng tôi trưng bày và cung cấp cho cư dân thành phố bằng cách rút thăm.
Thời gian trưng bày : Ngày 1 ~ ngày 20 hàng tháng (tháng 1 là ngày 6 ~ ngày 20, tháng 2 là ngày 1 ~ ngày 18).
Thời gian mở cửa : 9 giờ sáng ~ 5 giờ chiều
Đăng ký : Những người là học sinh trung học trở lên đang thường trú trong thành phố (Giới hạn 1 người cho mỗi cơ sở)
Công bố rút thăm : 1 giờ chiều ngày 21 hàng tháng (tháng 2 là ngày 19) *Chúng tôi sẽ thông báo ở cơ sở, cũng như thông báo bằng "bưu thiếp" cho người trúng giải.
Thời gian giao hàng : Đến ngày 28 hàng tháng (tháng 2 là ngày 26) sau khi công bố rút thăm

Góc bồi dưỡng kiến hức

Những đồ vật được vứt bỏ làm rác thải tài nguyên được bố trí ở góc này để mọi người xem và tiếp xúc thực tế, và hiểu được thế nào là được tái chế, v.v...

Hashimotodai Recycle Square
ĐT: 042-774-2050
2084-3 Shimokuzawa, Midori-ku

Hướng dẫn đường đi
《Xe buýt》 Từ ga Sagamihara tuyến JR Yokohama – Cửa Nam ga Hashimoto đi tuyến Kanachu Bus "Đi Hakenohara Shako" và xuống xe ở "Kinzoku Kogyo Danchi", đi bộ 10 phút hoặc từ cửa Nam ga Hashimoto đi tuyến Community Bus và xuống xe ở "Kitano-oka Center", đi bộ 2 phút
*Năm 2017, dự kiến mở cơ sở mới Asamizodai Recycle Square (tên gọi tạm thời) ở bên cạnh nhà máy xử lý Minami.

みんなでルールを守りましょう！

■きちんと分けよう

一般ごみ、乾電池、資源、容器包装プラはきちんと分けて、「ごみ・資源集積場所」に出してください。

■決められた袋で

中身が確認できる透明または半透明の袋で出してください。
中身が見えない濃い色の袋やダンボール箱では出さないでください。

■決められた曜日に

収集曜日以外の日や夜間（夜間収集地域を除く）には出さないでください。

■決められた時間に

収集曜日の朝８時30分までに出してください。（夜間収集地区の一般ごみ・乾電池は除く）

一般ごみとは？粗大ごみとは？

【例】

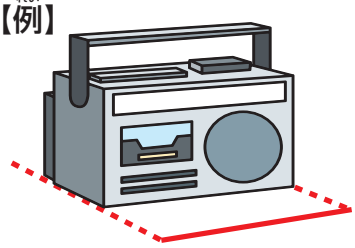

電気製品
大きさが30cm未満は一般ごみ、30cm以上は粗大ごみとなります。ただし、市内の公共施設等に設置する回収ボックス投入口（横30cm×縦15cm）に入る電気製品は、使用済小型家電として分別回収しています（16ページ参照）。

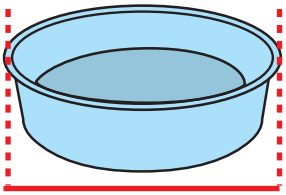

プラスチック・革製品・金属製品など
大きさが50cm未満は一般ごみ又は資源、50cm以上は粗大ごみとなります。

※大きさに関わらず粗大ごみになるものもあります。（20ページを参照）

危険なごみを出される際は注意してください！

収集作業員のけがや、収集車の火災の原因になります。出し方を守ってください。

包丁など刃物

刃を新聞紙や厚紙などで包んで一般ごみへ

ライター

中身を使い切って一般ごみへ

スプレー缶

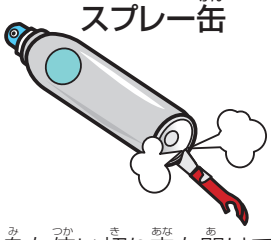

中身を使い切り穴を開けて、資源（かん類）へ

注射針

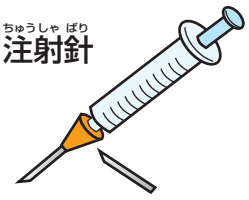

かかりつけ医療機関等で回収していない場合は、必ずペットボトルなどの針が突き抜けない容器に入れ一般ごみへ

注意 ごみ・資源集積場所には出せません！！！！

事業者のごみ

法律により、自らの責任で適正に処理するよう義務付けられています。

粗大ごみ

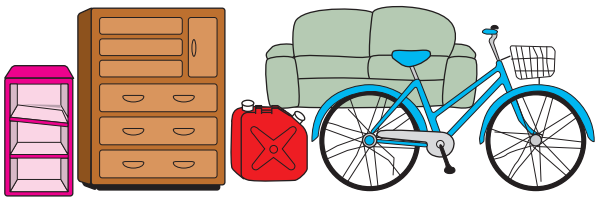

戸別収集または直接搬入により処分してください。
（詳細は18～22ページ参照）

Mọi người hãy cùng tuân thủ quy định nhé!

Phân loại cẩn thận

Vui lòng phân loại cẩn thận rác thải thông thường, pin khô, rác thải tài nguyên, nhựa của bao hộp gói, và và vứt bỏ vào "điểm tập kết rác thải và rác thải tài nguyên".

Bằng bao đúng quy định

Vui lòng vứt bỏ bằng bao trong suốt hoặc bao trong mờ để có thể kiểm tra bên trong.
Vui lòng không vứt bỏ bằng bao có màu đậm không thể thấy bên trong hoặc bằng thùng các tông.

Vào ngày quy định

Vui lòng không vứt bỏ vào ngày không phải ngày thu gom hoặc vào ban đêm (ngoại trừ khu vực thu gom ban đêm).

Vào thời gian quy định

Vui lòng vứt bỏ trước 8 giờ 30 phút sáng của ngày thu gom. (Ngoại trừ rác thải thông thường, pin khô ở khu vực thu gom ban đêm)

Rác thải thông thường là gì? Rác cồng kềnh là gì?

[Ví dụ]

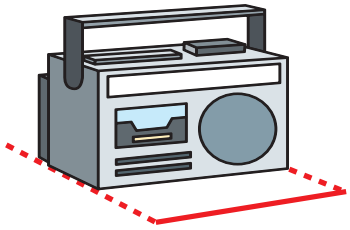

Sản phẩm điện

Độ lớn dưới 30 cm là rác thải thông thường, từ 30 cm trở lên là rác cồng kềnh.
Tuy nhiên, sản phẩm điện bỏ vào miệng hộp thu hồi (ngang 30 cm x cao 15 cm) mà đặt ở các cơ sở công cộng trong thành phố, v.v... được phân loại và thu hồi như đồ điện gia dụng loại nhỏ đã qua sử dụng (Tham khảo trang 17).

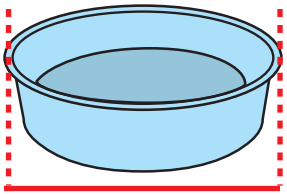

Nhựa, sản phẩm da, sản phẩm kim loại, v.v...

Độ lớn dưới 50 cm là rác thải thông thường hoặc rác thải tài nguyên, từ 50 cm trở lên là rác cồng kềnh.

*Cũng có những đồ vật là rác cồng kềnh mà không phân biệt độ lớn. (Tham khảo trang 21)

Vui lòng lưu ý khi vứt bỏ rác thải nguy hiểm!

Loại rác này là nguyên nhân gây thương tích cho nhân viên thu gom hoặc gây hỏa hoạn cho xe thu gom. Xin hãy tuân thủ cách vứt bỏ.

Vật sắc nhọn như dao, v.v...

Bao bọc lưỡi dao bằng giấy báo hoặc giấy cứng, v.v... và bỏ vào rác thải thông thường

Bật lửa

Sử dụng hết bên trong và bỏ vào rác thải thông thường

Chai xịt

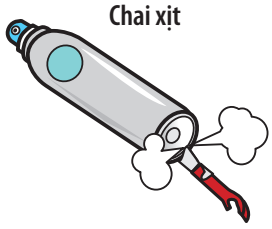

Sử dụng hết bên trong, khoét lỗ và bỏ vào rác thải tài nguyên (các loại lon, hộp)

Kim tiêm

Trường hợp cơ sở y tế, v.v... nơi thường đến khám không thu hồi, hãy đặt vào đồ đựng mà kim không thể đâm thủng như chai PET, v.v... và bỏ vào rác thải thông thường

Lưu ý **Không được vứt bỏ ở điểm tập kết rác thải và rác thải tài nguyên!!!!**

Rác thải của doanh nghiệp

Theo luật, doanh nghiệp phải có nghĩa vụ xử lý thích hợp bằng trách nhiệm của mình.

Rác cồng kềnh

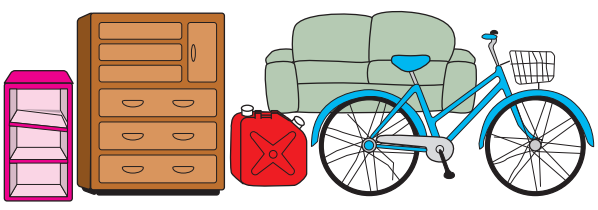

Vui lòng xử lý bằng cách thu gom từng hộ hoặc vận chuyển trực tiếp.
(Tham khảo chi tiết ở trang 19~23)

一般ごみ

週2回 一般ごみの日に ごみ・資源集積場所へ

透明または半透明の袋に入れ、片手で持てる大きさ・重さで、口をしっかりしばって出してください。

※粗大ごみについては、18～22ページをご覧ください。(大きさに関わらず粗大ごみになるものもあります)

パンピーレッド

■台所ごみ

■プラスチック製品

50cm以上のものは粗大ごみ

プラマークはプラ製容器包装へ 14ページ

■木の枝、雑草

木の枝は太さ10cm以下、長さ50cm未満にしてひもで束ねて

■ぬいぐるみ、座ぶとんなど

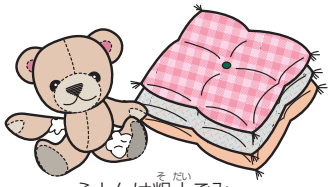

ふとんは粗大ごみ
50cm以上のカーペット、じゅうたんは粗大ごみ

■くつ、スリッパなどのはきもの

■ハンガー

少量ずつ
※引き取りの可能なクリーニング店もあります。
※針金でできているものは資源(金物類)へ

■ビデオテープ、カセットテープ、レコードなど

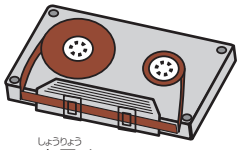

少量ずつ

■時計、ドライヤーなどの電気製品

一部回収ボックスでの回収を行なっています。16ページをご覧ください。

30cm以上のものは粗大ごみ

■湯のみ、きゅうす、お皿などのせともの、植木鉢、コップ、ガラス食器、鏡、乳白色のびん、電球、包丁、針、ハサミ、カミソリなど(割れたものも含む)

危なくないようにぼろ布、新聞紙、厚紙などでくるんで、一般ごみとして出してください。

乾電池

週1回 ごみ・資源集積場所内のはしへ

一般ごみとは別にして、透明または半透明の袋に入れて出してください。

マンガン・アルカリ・オキシライド乾電池・コイン電池(CR又はBR)など

充電式電池・ボタン電池は、「ごみ・資源集積場所」には出せません。

充電式電池

電器店やスーパーなどのリサイクルボックスへ

NI-Cd NI-MH Li-ion

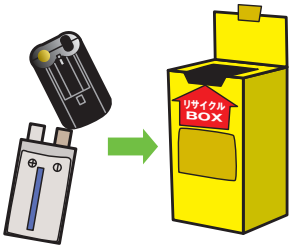

ボタン電池(LR、SR、PR)

電器店などにご相談ください。

セロハンテープで絶縁する

Rác thải thông thường

2 lần/ tuần

Mang đến điểm tập kết rác thải và rác thải tài nguyên vào ngày rác thải thông thường

Vui lòng bỏ vào bao trong suốt hoặc bao trong mờ với độ lớn và khối lượng có thể cầm bằng một tay, buộc chặt miệng bao và vứt bỏ.

*Vui lòng xem trang 19 ~ 23 về rác cồng kềnh. (Cũng có những đồ vật là rác cồng kềnh mà không phân biệt độ lớn)

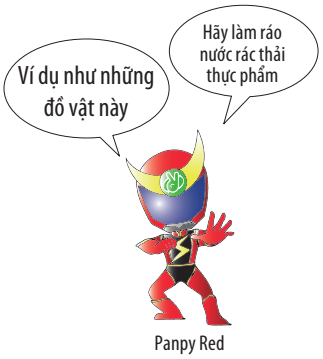

Panpy Red

Rác thải nhà bếp

Sản phẩm bằng nhựa

Đồ vật từ 50 cm trở lên là rác cồng kềnh

Đồ vật có ký hiệu bỏ vào bao hộp gói bằng nhựa Trang 15

Cành cây, cỏ dại

Hãy buộc bằng dây những cành cây với độ dày dưới 10 cm, độ dài dưới 50 cm

Thú bông, đệm ngồi, v.v...

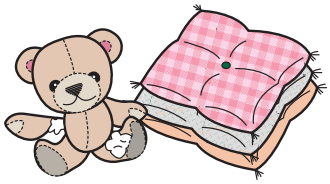

Đệm là rác cồng kềnh. Thảm trải nền, tấm thảm từ 50 cm trở lên là rác cồng kềnh

Đồ vật mang vào như giày, dép đi trong nhà, v.v...

Móc treo

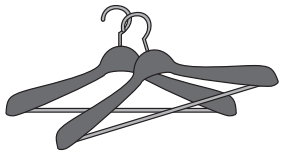

Từng số lượng ít
* Cũng có những cửa hàng giặt ủi có thể lấy lại.
* Móc treo làm bằng dây kim loại thì bỏ vào rác thải tài nguyên (các loại kim loại)

Băng video, băng cat-set, đĩa ghi âm, v.v...

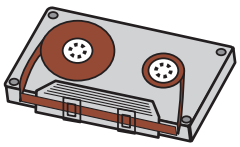

Từng số lượng ít

Sản phẩm điện như đồng hồ, máy sấy tóc, v.v...

(Chúng tôi đang thu hồi bằng một phần hộp thu hồi. Vui lòng xem trang 17.)

Đồ vật từ 30 cm trở lên là rác cồng kềnh

Đồ sứ như tách, ấm pha trà, đĩa, v.v..., chậu cây cảnh, ly, chén bát thủy tinh, gương, chai, lọ màu trắng sữa, bóng đèn, dao, đinh ghim, kéo, dao cạo, v.v... (bao gồm cả đồ vật bị vỡ)

Hãy bọc bằng giẻ rách, giấy báo, giấy cứng, v.v... để không gây nguy hiểm, và vứt bỏ như rác thải thông thường.

Pin khô

1 lần/ tuần

Mang đến đầu điểm tập kết rác thải và rác thải tài nguyên

Khi vứt bỏ, vui lòng để riêng với rác thải thông thường, và bỏ vào bao trong suốt hoặc bao trong mờ.

Pin khô Mangan, Alkan, Oxyride, pin đồng xu (CR hoặc BR), v.v...

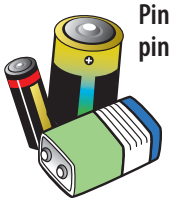

Không được vứt bỏ pin sạc, pin nút áo vào "điểm tập kết rác thải và rác thải tài nguyên".

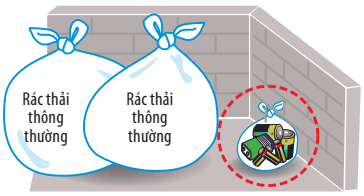

Pin sạc

Bỏ vào hộp tái chế ở cửa hàng đồ điện hoặc siêu thị, v.v...

Ni-Cd Ni-MH Li-ion

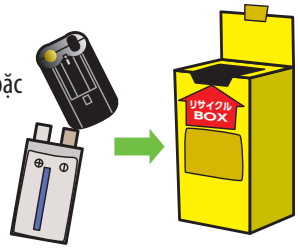

Pin nút áo (LR, SR, PR)

Vui lòng trao đổi với cửa hàng đồ điện, v.v...

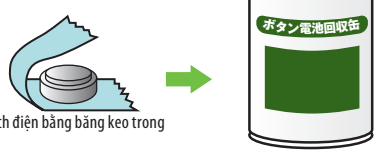

Cách điện bằng băng keo trong

資源

週1回 資源の日に ごみ・資源集積場所へ

種類ごとに分けて出してください。

びん類

ジュース・ウイスキーなどの飲料びん、コーヒー・調味料・佃煮などの食料びんなど

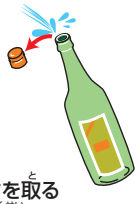

フタを取る
金属製のフタはかん類へ

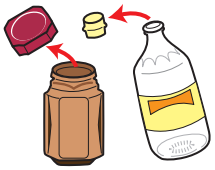

プラスチック製のフタは
プラ製容器包装へ

ボトルブルー

中を洗って、透明または半透明の袋に入れる。

割れたびん、ガラス食器類、耐熱ガラス、乳白色のびん、農薬などのびん▶一般ごみへ

かん類

ジュース・ビールなどの飲料かん、かん詰めなどの食料かん、スプレーかん、カセットボンベ、塗料かん、一斗かんなど

中を空にして洗って、できるだけつぶし、透明または半透明の袋に入れる。

スプレーかんやカセットボンベは使い切ってから火気に注意し、風通しの良い場所で穴を開ける

塗料かんは使い切ってから中を軽くふく

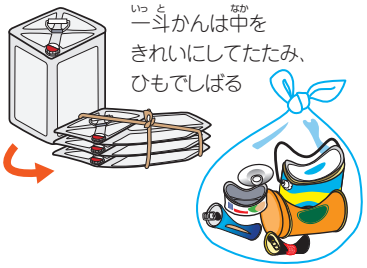

一斗かんは中をきれいにしてたたみ、ひもでしばる

カンメタルオレンジ

金物類

鉄・アルミ・ステンレスなどで成型（テフロン・ホーロー加工製品も含む）された食器や工具、金属製の水筒など金属部分が50cm未満のもの、フライパン、やかん、炊飯器の内がま、ホットプレートのプレート（鉄板）など45ℓまでの透明または半透明の袋に入る台所用金物（50cm以上でも可）、針金ハンガー、金属製の傘の骨組み（傘布ははずして一般ごみ）、電気コードなど

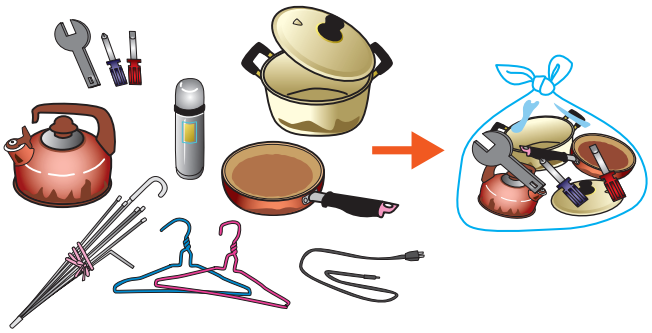

中を洗って透明または半透明の袋に入れる。

布類

古着（衣服、スーツ、着物、革製衣類、ダウンジャケット）、バック（キャスター付きは除く）、ベルト、帽子、タオル、シーツ、毛布、カーテンなど

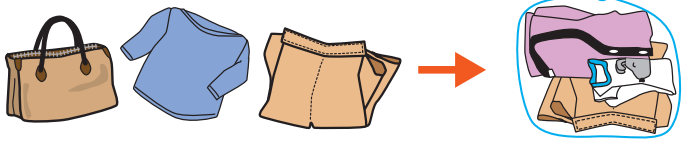

透明または半透明の袋に入れる。

ぬれるとリサイクルできなくなりますので雨の日は出さないでください。

クッションなど綿入りのもの、制服、柔道着、**汚れや破れのあるもの**、動物に使用した布類▶一般ごみへ（少量ずつ）※布団は粗大ごみ

蛍光管 水銀体温計

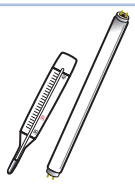

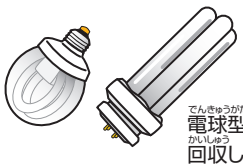

電球型やコンパクト型も回収します

購入時の包装材に入れ「ひも」でしばるか、透明又は半透明の袋に入れて、割れないように出してください。

割れているもの、白熱灯、LED電球▶一般ごみへ

ガムテープなどで束ねないでください。

使用済 食用油

アブラブラウン

ラベルをはがしたペットボトルに入れ、ふたをしっかり閉めて出してください。（なるべく500ml容器で）

油が熱いうちは、絶対に入れないでください。

袋には入れずに出してください。

Rác thải tài nguyên

1 lần/ tuần

Mang đến điểm tập kết rác thải và rác thải tài nguyên vào ngày rác thải tài nguyên

Vui lòng phân loại và vứt bỏ theo từng loại.

Các loại chai, lọ

Chai, lọ nước uống như nước trái cây, rượu Wisky, chai, lọ thực phẩm như cà phê, đồ gia vị, Tsukudani, v.v…

Tháo nắp.
Nắp bằng kim loại thì bỏ vào các loại lon, hộp

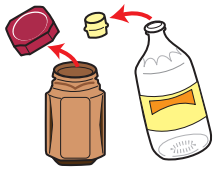

Nắp bằng nhựa thì bỏ vào bao hộp gói bằng nhựa

Bottle Blue

Rửa bên trong, và bỏ vào bao trong suốt hoặc bao trong mờ.

Chai, lọ bị vỡ, các loại chén bát thủy tinh, kính chịu nhiệt, chai, lọ màu trắng sữa, chai, lọ thuốc trừ sâu, v.v… ▶ Bỏ vào rác thải thông thường

Các loại lon, hộp

Lon nước uống như nước trái cây, bia, hộp thực phẩm như sản phẩm đóng hộp, chai xịt, lon gas, hộp sơn, thùng chứa 18 lít, v.v…

Lưu ý đến vấn đề hỏa hoạn sau khi đã sử dụng hết chai xịt hoặc lon gas, khoét lỗ ở chỗ dễ thông khí

Lau nhẹ bên trong sau khi đã sử dụng hết hộp sơn

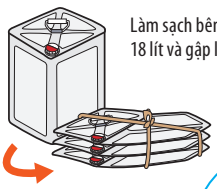

Làm sạch bên trong thùng chứa 18 lít và gập lại, buộc bằng dây

Can Metal Orange

Làm rỗng bên trong và rửa lại, cố gắng đập dập, và bỏ vào bao trong suốt hoặc bao trong mờ.

Các loại kim loại

Chén bát hoặc dụng cụ được tạo khuôn bằng sắt, nhôm, thép không rỉ (bao gồm cả sản phẩm xử lý Teflon, men thủy tinh), đồ vật có bộ phận kim loại dưới 50 cm như bình đựng nước bằng kim loại, chảo, ấm nước, nồi trong của nồi cơm điện, đồ kim loại dùng cho nhà bếp (có thể từ 50 cm trở lên) được bỏ vào bao trong suốt hoặc bao trong mờ tối đa là 45l như đĩa của bếp hâm (miếng sắt), móc treo bằng dây kim loại, khung ô dù bằng kim loại (tháo vải ô dù và bỏ vào rác thải thông thường), dây điện, v.v…

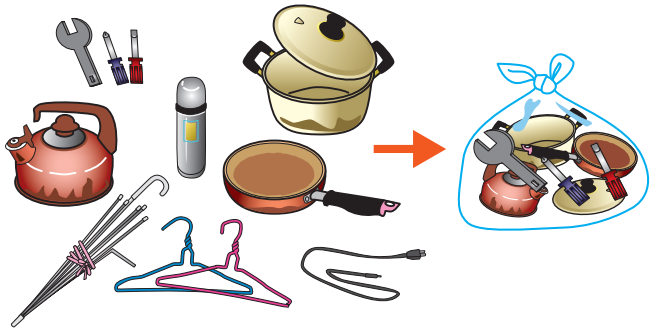

Rửa bên trong và bỏ vào bao trong suốt hoặc bao trong mờ.

Các loại vải

Đồ mặc cũ (quần áo, áo vest, kimono, quần áo bằng da, áo khoác dày), túi xách (ngoại trừ loại có gắn bánh xe nhỏ), thắt lưng, mũ nón, khăn, drap giường, chăn mền, màn cửa, v.v…

Bỏ vào bao trong suốt hoặc bao trong mờ.

Nếu đồ bị ướt thì sẽ không thể tái chế được nên vui lòng không vứt bỏ vào những ngày mưa.

Những đồ có lớp lót như miếng đệm, v.v…, đồng phục, võ phục Judo, đồ bị bẩn hoặc rách, các loại vải đã dùng cho động vật ▶ Bỏ vào rác thải thông thường (từng số lượng ít) *Nệm là rác cồng kềnh

Đèn huỳnh quang, nhiệt kế thủy ngân

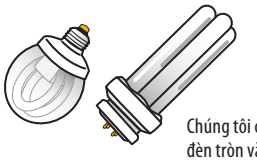

Chúng tôi cũng thu hồi cả bóng đèn tròn và bóng đèn compact

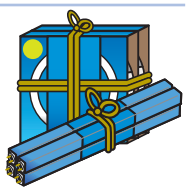

Bỏ vào hộp đựng khi mua và buộc bằng "dây", hoặc bỏ vào bao trong suốt hoặc bao trong mờ, và vứt bỏ sao cho không bị vỡ.

Những đồ đã bị vỡ, đèn dây tóc, bóng đèn LED ▶ Bỏ vào rác thải thông thường

Vui lòng không buộc bằng băng keo vải, v.v…

Dầu ăn đã qua sử dụng

Cố gắng sử dụng hết, nếu còn thì sẽ tái chế.

Abura Brown

Vui lòng đổ vào chai PET đã tháo nhãn hiệu, đóng chặt nắp và vứt bỏ. (Bỏ vào đổ đựng 500 ml nếu có thể)

Tuyệt đối không đổ trong lúc dầu còn nóng.

Vui lòng vứt bỏ mà không bỏ vào bao.

紙類

■新聞
■雑誌・雑がみ
■段ボール
■紙パック
■紙製容器包装

種類別に「ひも」でしばる。(ガムテープなどは不可)
雑誌・雑がみ、紙製容器包装は、紙袋に入れてひもでしばって出すこともできます。

■雑誌・雑がみ

週刊誌、古本、ノート、百科事典、メモ紙、トイレットペーパーの芯など

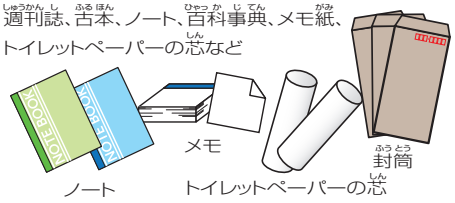

ノート　メモ　トイレットペーパーの芯　封筒

出し方

ひもでしばる　紙袋に入れてひもでしばる

■新聞

折り込み広告は一緒に出せます。

■段ボール

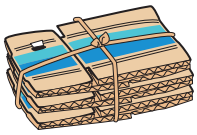

1m以内の大きさにたたんで

■紙パック

牛乳、ジュースなどの紙パック容器

中にアルミ箔が貼ってあるもの
▶紙製容器包装へ

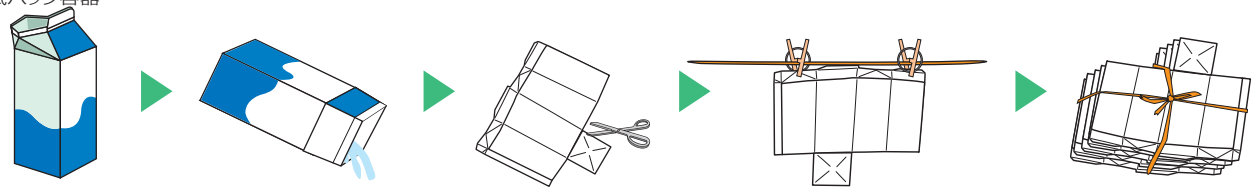

キャップ類を取り中を洗う　切って開く　乾かす　ひもでしばる

■紙製容器包装

紙マークがあればアルミ箔やビニールが付いているものも出せます。

例えば

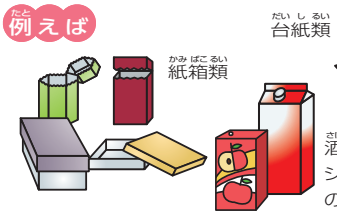

紙箱類　台紙類　酒やジュースの箱　紙缶・カップ類　包装紙類　紙袋類

出し方

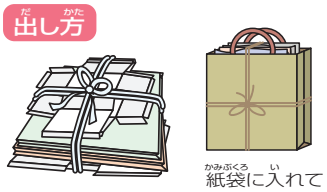

ひもでしばる　紙袋に入れてひもでしばる

ペーパーピンク

資源として回収しない紙類　これらのものは一般ごみで出してください。

- 銀紙
- 粘着テープ
- 油紙
- 写真
- 防水加工紙
- 感熱紙
- 感熱発泡紙
- カーボン紙
- シュレッダーにかけた紙
- ティッシュペーパー
- 圧着ハガキ
- 昇華転写紙（捺染紙・アイロンプリント紙・靴箱の中紙）

資源リサイクルステーション

MAP 施設案内図 ▶32ページ

引越しの時や一時多量の資源及び容器包装プラについては、次の施設に持ち込むことができます。

- 橋本台リサイクルスクエア　緑区下九沢2084-3　☎042-774-2050
  受付時間：午前9時～午後4時（12月29日～1月3日は除く）
- 津久井クリーンセンター　緑区青山3385-2　☎042-784-2711
  受付時間：月曜日～土曜日（12月31日～1月3日を除く）
  午前9時～正午、午後1時～午後4時
- 暫定南部資源リサイクルステーション 大野産業㈱　南区麻溝台1-8-5　☎042-767-7535
  受付時間：月曜日～土曜日（12月31日～1月3日を除く）、午前9時～午後4時

※平成29年度開所予定の（仮称）麻溝台リサイクルスクエアが開所次第、閉鎖となります。
（仮称）麻溝台リサイクルスクエアの開所時期につきましては、広報さがみはら等でお知らせします。

きちんと分別された資源及び容器包装プラ（10～14ページに記載のもの）のみ受け付けます。（事業系は除く）
持ち込みの際は、必ず受付職員にお声かけください。

ごみ・資源集積場所からの資源の持ち去り行為は禁止です!!

ごみ・資源集積場所に出された資源を市が委託した事業者以外が収集・運搬することは、「相模原市廃棄物の減量化、資源化及び適正処理等の推進に関する条例」により禁止されています。

禁止命令に違反した者は、20万円以下の罰金に処せられることがあります。

持ち去り行為を見かけた場合には、「日時」、「場所」、「持ち去った者や車両の特徴」、「車のナンバー」、「持ち去られた資源の種類」等分かる範囲で所管の環境事業所又は津久井クリーンセンターへ情報をお寄せください。

Các loại giấy

- Báo
- Tạp chí, giấy tái chế khác
- Thùng các tông
- Hộp giấy
- Bao hộp gói bằng giấy

Buộc bằng "dây" theo từng loại. (Không được buộc bằng băng keo vải, v.v...)
Bạn cũng có thể bỏ tạp chí, giấy tái chế khác, bao hộp gói bằng giấy vào bao giấy, buộc bằng dây và vứt bỏ.

Tạp chí, giấy tái chế khác

Tạp chí hàng tuần, sách cũ, vở, từ điển bách khoa, giấy ghi chú, lõi giấy vệ sinh, v.v...

Vở | Giấy ghi chú | Lõi giấy vệ sinh | Phong bì

Cách vứt bỏ

Buộc bằng dây | Bỏ vào bao giấy và buộc bằng dây

Báo

Có thể vứt bỏ chung với tờ quảng cáo ghép vào.

Thùng các tông

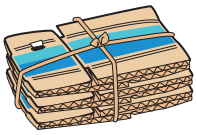

Gập lại với độ lớn trong vòng 1m

Hộp giấy

Hộp giấy đựng sữa, nước trái cây, v.v..

Hộp có dán lá nhôm bên trong ▶ Bỏ vào bao hộp gói bằng giấy

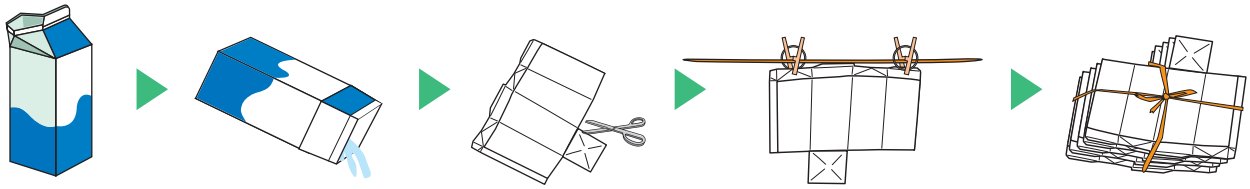

Tháo các loại nắp và rửa bên trong | Cắt và mở ra | Làm khô | Buộc bằng dây

Bao hộp gói bằng giấy

Nếu có ký hiệu 紙, bạn cũng có thể vứt bỏ những loại có dính lá nhôm hoặc nhựa vinyl.

Ví dụ

Các loại hộp giấy | Các loại bìa giấy | Hộp rượu hoặc nước trái cây | Lon giấy, các loại ly | Các loại giấy bao bì | Các loại bao giấy

Cách vứt bỏ

Buộc bằng dây | Bỏ vào bao giấy và buộc bằng dây

Ký hiệu này là dấu hiệu!

Paper Pink

Các loại giấy không thu hồi như rác thải tài nguyên

Vui lòng vứt bỏ những loại này như rác thải thông thường.

- Ngân phiếu
- Băng dính
- Giấy dầu
- Hình ảnh
- Giấy xử lý chống thấm
- Giấy cảm nhiệt
- Giấy foam cảm nhiệt
- Giấy than
- Giấy vụn trong máy hủy giấy
- Giấy ăn
- Bưu thiếp gấp nếp
- Giấy in chuyển nhiệt (giấy in, giấy in iron, giấy bên trong hộp giày)

Resource Recycle Station

MAP Sơ đồ hướng dẫn cơ sở ▶ Trang 32

Khi chuyển nhà hoặc thỉnh thoảng có một lượng lớn rác thải tài nguyên và nhựa của bao hộp gói, bạn có thể mang vào các cơ sở sau.

- **Hashimotodai Recycle Square** 2084-3 Shimokuzawa, Midori-ku ĐT: 042-774-2050
  Thời gian tiếp nhận: 9 giờ sáng ~ 4 giờ chiều (ngoại trừ ngày 29 tháng 12 ~ ngày 3 tháng 1)
- **Tsukui Clean Center** 3385-2 Aoyama, Midori-ku ĐT: 042-784-2711
  Thời gian tiếp nhận: Thứ hai ~ Thứ bảy (ngoại trừ ngày 31 tháng 12 ~ ngày 3 tháng 1), 9 giờ sáng ~ 12 giờ trưa, 1 giờ chiều ~ 4 giờ chiều
- **Cơ sở tạm thời Nanbu Resource Recycle Station Ono Sangyo Corporation**
  1-8-5 Asamizodai, Minami-ku ĐT: 042-767-7535
  Thời gian tiếp nhận: Thứ hai ~ Thứ bảy (ngoại trừ ngày 31 tháng 12 ~ ngày 3 tháng 1), 9 giờ sáng ~ 4 giờ chiều

*Cơ sở này sẽ đóng cửa sau khi mở cơ sở Asamizodai Recycle Square (tên gọi tạm thời) được dự kiến mở vào năm 2017. Về thời gian mở cơ sở Asamizodai Recycle Square (tên gọi tạm thời), chúng tôi sẽ thông báo trên tạp chí truyền thông "Koho Sagamihara", v.v...

Chỉ có thể tiếp nhận rác thải tài nguyên hoặc nhựa của bao hộp gói đã được phân loại cẩn thận (những loại đã ghi trong trang 11 ~ 15). (Ngoại trừ loại thuộc hoạt động kinh doanh)
Khi mang vào, vui lòng gọi nhân viên tiếp nhận.

Nghiêm cấm hành vi mang rác thải tài nguyên ra khỏi điểm tập kết rác thải và rác thải tài nguyên!!

Ngoài các doanh nghiệp mà thành phố đã ủy thác, việc thu gom và vận chuyển rác thải tài nguyên đã vứt bỏ ở điểm tập kết rác thải và rác thải tài nguyên bị nghiêm cấm dựa trên "Điều khoản liên quan đến việc làm giảm lượng phế liệu thành phố Sagamihara, xúc tiến tài nguyên hóa và xử lý thích hợp, v.v...".

Có trường hợp người vi phạm lệnh cấm bị xử phạt với số tiền phạt dưới 200.000 yên.

Nếu phát hiện hành vi mang đi, vui lòng cung cấp thông tin cho văn phòng môi trường trực tiếp quản lý hoặc trung tâm Tsukui Clean Center trong phạm vi biết được như "thời gian", "địa điểm", "đặc trưng của người mang đi hoặc phương tiện", "số xe", "loại rác thải tài nguyên bị mang đi", v.v...

容器包装プラ

週1回

容器包装プラの日にごみ・資源集積場所へ

種類ごとに分けて出してください。

ペットボトル

PET

ペットイエロー

PET マークの中の数字が1のものだけです。

飲料、しょうゆ、酒類、みりん風調味料、酢、しょうゆ加工品など

キャップをはずして
ラベルをはがす

つぶす

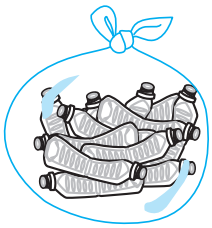

キャップ・ラベルはプラ製容器包装の袋へ　軽く洗って水を切る

※ペットボトルは市内29か所の公共施設に持ち込むことができます。

プラ製容器包装

商品を入れたもの〈容器〉や、包んだもの〈包装〉で、中身の商品を取り出したあと不要になるものです。

■プラ製容器包装ってこんなもの

ポリ袋・レジ袋類・ビニール袋

ラップ類・包装用フィルム類

容器・カップ類

トレイ・パック類

ボトル類

チューブ類

ふた・キャップ・栓類

梱包材・緩衝材類・発泡スチロール など

※大きい発泡スチロールは割って出してください。

このマークが目印！

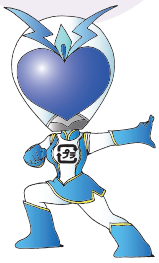
プラホワイト

■出し方：中身を使い切って、軽くすすぐか、汚れをふき取ってください。

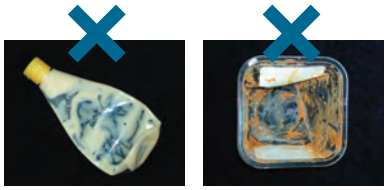
このままでは資源になりません。

ふきとる

または

軽くすすぐ

透明・半透明の袋に入れて出す

注意　汚れが落としきれないものは、他の容器包装まで汚れてしまい、リサイクルできなくなります。汚れが取りきれなかったものは一般ごみで出してください。

プラ製容器包装にならないもの（主な品目）

これらのものは一般ごみ（50cm以上は粗大ごみ）で出してください。

商品そのものや商品の一部であるもの	ビデオテープ、カセットテープなどのケース、おもちゃ、食器、バケツ、食品の保存容器、植木鉢、洗面器、ハンガー、レジャーシート、ライター、カミソリなど
中身が商品でない場合「商品」ではなく、「サービス」に使った場合	• 家庭で物を入れる又は包む為に購入した容器や包装用ラップフィルム • クリーニングの袋

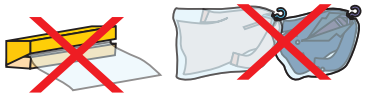

Nhựa của bao hộp gói

1 lần/ 1 tuần

Mang đến điểm tập kết rác thải và rác thải tài nguyên vào ngày thu nhựa của bao hộp gói

Vui lòng phân loại và vứt bỏ theo từng loại.

Chai PET

PET

Trong ký hiệu chỉ có số "1".

Nước uống, nước tương, các loại rượu, gia vị mirin, giấm, các sản phẩm làm từ nước tương, v.v...

Pet Yellow

Tháo nắp rồi bóc nhãn

Nắp, nhãn bỏ vào bao bằng nhựa

Rửa sơ rồi để ráo nước

Đập bẹp

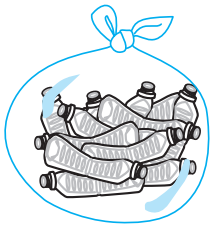

* Có thể mang chai PET đến 29 cơ sở công cộng trong thành phố.

Bao hộp gói bằng nhựa

Là những đồ đựng (hộp đựng) hay bao đựng sản phẩm (bao bì) không còn cần thiết sau khi đã lấy sản phẩm bên trong ra.

Những đồ vật được phân loại là bao hộp gói bằng nhựa

Túi nhựa polyethylene - các loại túi nhựa - túi nhựa vinyl

Các loại màng bọc - màng dùng để gói

Các loại hộp đựng - cốc

Các loại khay - bao bì

Các loại chai

Các loại tuýp

Nắp đậy - nắp vặn - nắp chai

Vật liệu đóng gói - Vật liệu đệm - Mút xốp, v.v...

* Đối với mút xốp lớn, vui lòng bẻ nhỏ ra.

Ký hiệu là dấu hiệu này!

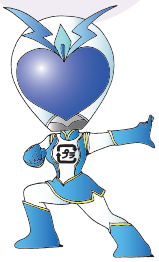

Pla White

Cách vứt rác: Vui lòng sử dụng hết sản phẩm bên trong, súc rửa sơ, lau sạch vết bẩn.

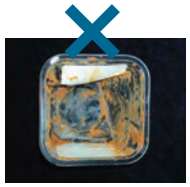

Nếu để nguyên như thế thì không phải là rác tài nguyên.

Giữ sạch

Hoặc

Súc rửa sơ

Bỏ vào túi đựng trong suốt - trong mờ rồi vứt

Lưu ý Những thứ không thể làm sạch vết bẩn, sẽ làm bẩn sang bao hộp gói khác, không thể tái chế được. Những thứ không thể làm sạch vui lòng bỏ vào rác thải thông thường.

Những thứ không phải bao hộp gói bằng nhựa (danh mục các loại chủ yếu)

Những thứ này vui lòng vứt vào rác thải thông thường (từ 50cm trở lên là rác cồng kềnh).

Những sản phẩm tương tự hay một phần của sản phẩm

Dạng hộp như băng video, băng cát-sét, v.v..., đồ chơi, chén bát, thùng, hộp bảo quản chén bát, chậu cây, bồn rửa mặt, móc treo, tấm bạt picnic, bật lửa, dao cạo, v.v...

- Trường hợp bên trong không đựng sản phẩm (hàng để bán)
- Trường hợp không phải là "sản phẩm" mà được dùng làm "đồ dùng thông thường"

◦ Hộp đựng hoặc màng bọc mua để đựng đồ hay gói đồ trong gia đình
◦ Túi đựng đồ giặt ủi

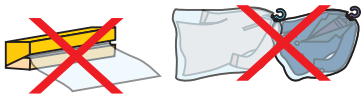

使用済小型家電

ボックス回収

市内の店舗や公共施設内に、黄色い回収ボックスを設置しています。
お近くの回収ボックスに使用済小型家電を投入し、リサイクルしましょう。

回収対象 回収ボックス投入口（横30㎝×縦15㎝）に入る大きさの小型家電

対象外 ○電球・蛍光管　○パソコン　○家電リサイクル法対象品目

回収場所

緑区	●緑区合同庁舎　●橋本台リサイクルスクエア　●北清掃工場　●北部粗大ごみ受入施設 ●津久井クリーンセンター　●城山総合事務所　●津久井総合事務所 ●相模湖総合事務所　●藤野総合事務所　●ノジマNEW城山店　●イオン橋本店２階
中央区	●相模原市役所本庁舎　●田名まちづくりセンター　●上溝まちづくりセンター ●ノジマ相模原本店
南区	●南区合同庁舎　●南清掃工場　●南部粗大ごみ受入施設　●相模台まちづくりセンター ●相武台まちづくりセンター　●伊勢丹相模原店本館２階　●イオン相模原店３階

●一度回収ボックスに投入した小型家電は取り出すことができません。
●小型家電を投入する前に、個人情報は必ず消去してください。
●回収ボックスは施設内に設置してありますので、営業時間内に投入してください。

宅配便回収

市は、小型家電を宅配便で回収するリネットジャパン㈱と協定を締結しました。
３辺合計１４０㎝以内の段ボール箱に２０kg以下の小型家電を入れ、リネットジャパン㈱のホームページまたは専用のファックス用紙で申し込むと、佐川急便㈱が回収に伺います。協定により、パソコン本体を含む回収１回につき、１箱の宅配回収料金が無料になります。詳細は、リネットジャパン㈱のホームページをご覧ください。

ホームページは検索サイトから　リネットジャパン　検索

パソコン

回収対象 デスクトップパソコン本体、ノートパソコン、液晶・CRTディスプレイ（一体型を含む）

メーカー等による自主回収

●メーカーがわかっている場合 ▶▶ 各メーカーの「PCリサイクル受付窓口」
※「PCリサイクル受付窓口」は、パソコン３R推進協会でも確認できます。
●回収するメーカーがない場合 ▶▶ 一般社団法人パソコン３R推進協会
03-5282-7685（月曜日～金曜日 午前９時～正午/午後１時～午後５時）
※平成15年９月以前に販売されたパソコンは、リサイクル料金が必要となります。

PCリサイクル
PCリサイクルマーク
平成15年10月1日以降に販売されるパソコンに貼られており、廃棄時のリサイクル料金は不要です。

宅配便回収

上記の**宅配便回収**をご覧ください。段ボール箱には小型家電も入れることができます。

市による対面回収

データ消去済のパソコンを次の施設に直接お持込みください。料金は無料です。
●橋本台リサイクルスクエア（月曜日～日曜日 午前９時～午後４時）（12月29日～１月３日は除く）
●津久井クリーンセンター（月曜日～土曜日 午前９時～正午/午後１時～午後４時）（12月31日～１月３日は除く）
●（仮称）麻溝台リサイクルスクエア（平成29年度開所予定）
※一度回収したパソコンは返却できません。

Đồ điện gia dụng loại nhỏ đã qua sử dụng

Hộp thu hồi

Các hộp thu hồi màu vàng được đặt trong các cửa hàng và cơ sở công cộng trong thành phố.
Nhét đồ điện gia dụng loại nhỏ đã qua sử dụng vào hộp thu hồi gần đó, sau đó chúng sẽ được tái chế.

Đối tượng thu hồi: Đồ điện gia dụng cỡ nhỏ có thể nhét vào khe (ngang 30 cm x cao 15 cm) của hộp thu hồi

Đối tượng khác: ◯ Đèn sợi đốt - đèn huỳnh quang ◯ Máy tính ◯ Danh mục các loại nằm trong quy định tái chế đồ điện gia dụng

Địa điểm thu hồi		
	Quận Midori	● Văn phòng hành chính quận Midori ● Bãi tái chế Hashimotodai ● Nhà máy xử lý rác thải Kita ● Nơi tiếp nhận rác cống kênh Hokubu ● Trung tâm dịch vụ vệ sinh Tsukui ● Văn phòng tổng hợp Shiroyama ● Văn phòng tổng hợp Tsukui ● Văn phòng tổng hợp Sagamiko ● Văn phòng tổng hợp Fujino ● Cửa hàng Nojima NEW Shiroyama ● Tầng 2 cửa hàng Aeon Hashimoto
	Quận Chuo	● Văn phòng tòa thị chính Sagamihara ● Trung tâm quy hoạch đô thị Tana ● Trung tâm quy hoạch đô thị Kamimizo ● Cửa hàng Nojima Sagamihara
	Quận Minami	● Văn phòng hành chính quận Minami ● Nhà máy xử lý rác thải Minami ● Nơi tiếp nhận rác cống kênh Nanbu ● Trung tâm quy hoạch đô thị Sagamidai ● Trung tâm quy hoạch đô thị Sobudai ● Tầng 2 tòa nhà chính của cửa hàng Isetan Sagamihara ● Tầng 3 cửa hàng Aeon Hashimoto

- Đồ điện gia dụng cỡ nhỏ một khi đã nhét vào hộp thu hồi thì không thể lấy ra.
- Trước khi nhét các đồ điện gia dụng cỡ nhỏ vào, vui lòng xóa bỏ tất cả thông tin cá nhân.
- Vì hộp thu hồi đặt trong các cơ sở công cộng, nên vui lòng vứt trong thời gian làm việc.

Thu hồi tận nhà

Thành phố đã ký kết, hợp tác với công ty ReNet Japan thu hồi các đồ điện gia dụng cỡ nhỏ tận nhà.
Bỏ đồ điện gia dụng cỡ nhỏ từ 20kg trở xuống vào thùng các tông có tổng 3 cạnh dưới 140cm, nếu đăng ký trên trang chủ của Công ty cổ phần ReNet Japan hoặc đăng ký bằng fax chuyên dụng, Công ty Sagawa Express sẽ đến thu hồi. Nhờ vào sự hợp tác này, cứ mỗi lần thu hồi kể cả bộ máy tính, phí thu hồi tận nhà 1 thùng sẽ miễn phí. Thông tin chi tiết vui lòng xem trên trang chủ của công ty ReNet Japan.
URL: http://www.renet.jp

Máy tính

Đối tượng thu hồi: Máy tính để bàn, máy tính xách tay, màn hình LCD - CRT (gồm cả bộ)

Nhà sản xuất tự thu hồi

- **Trường hợp biết rõ nhà sản xuất**.....“Quầy tiếp nhận tái chế PC" của các nhà sản xuất
  * Dù có Tổ chức xúc tiến 3R PC, cũng có thể xác nhận "Quầy tiếp nhận tái chế PC"
- **Trường hợp không có nhà sản xuất thu hồi**.....Tổ chức xúc tiến 3R PC
  03-5282-7685 (Thứ hai ~ Thứ bảy từ 9 giờ sáng ~ 12 giờ trưa/từ 1giờ chiều ~ 5giờ chiều)
  * Các máy tính được bán ra từ tháng 9/2003 trở về trước phải tốn phí tái chế.

PC リサイクル
Ký hiệu tái chế PC
Ký hiệu này được dán vào máy tính được bán ra từ ngày 1/10/2003 trở về sau, nên sẽ không tốn phí tái chế khi hủy bỏ.

Thu hồi tận nhà

Vui lòng xem mục Thu hồi tận nhà trên đây. Đồ điện gia dụng cỡ nhỏ cũng có thể cho vào thùng các tông.

Thu hồi đồ quá kích cỡ bởi thành phố

Vui lòng mang trực tiếp máy tính đã xóa tất cả dữ liệu đến cơ sở dưới đây. Miễn phí.
- Hashimotodai Recycle Square (Thứ hai ~ Chủ nhật từ 9 giờ sáng ~ 4 giờ chiều) (trừ ngày 29/12 ~ 3/1)
- Tsukui Clean Center (Thứ hai ~ Chủ nhật sáng từ 9 giờ ~12 giờ/từ 1giờ chiều ~ 4 giờ chiều) (trừ ngày 31/12 ~ 3/1)
- Asamizodai Recycle Square (Tên tạm thời) (Dự kiến mở vào năm 2017)

* Máy tính một khi đã thu hồi thì không thể hoàn trả.

粗大ごみ

有料

ごみ・資源集積場所からの定期収集は行っていません。

エアコン、テレビ、冷蔵庫・冷凍庫、洗濯機・衣類乾燥機▶22ページへ
パソコン▶16ページへ

●事前申し込みにより、自宅まで収集に伺う **①戸別収集**（下記へ）

●ご自分で直接施設に持ち込む…… **②直接搬入**（22ページへ）

のいずれかの方法で適正に出してください。

①戸別収集　収集日は、申し込み受付日からおよそ7～14日後となります。

❶収集を申し込む

○月曜日の午前中は電話がつながりにくいことがありますので、できるだけ午後の時間帯や他の曜日におかけくださるようご協力ください。

○年末は大変混み合います。年内の収集を希望される場合は、早めに申し込みをお願いします。

電話による申し込み

粗大ごみ受付事務所 ☎042-774-9933

受付時間　月曜日～金曜日（祝日・12月29日～1月3日を除く）
午前８時～午後６時

インターネットによる申し込み

相模原市ホームページ『リサイクルとごみ』または下記URLから申し込みができます。

相模原市　戸別収集　検索

《URL》https://www.sodai-city.jp/sagamihara/pc/index.html

●申し込み ▶▶ 申し込みの際に、手数料や収集日、持ち出し場所などをお伝えしますので、必ずメモをとってください。インターネットの場合は、後日返信メールでお知らせします。

※十分使用できる「家具」は、リユース家具としてリサイクルスクエアに展示し、抽選後提供しています。リユース希望の方は、申し込みの際に申し出てください。（ごみ処理手数料はかかります）

❷手数料の支払い

「粗大ごみ収集シール」取扱店で手数料を支払い「粗大ごみ収集シール」を受け取る。

※領収印があることを確認してください。

取扱店については、申し込み時にご確認ください。

❸持ち出し

「粗大ごみ収集シール」に氏名または受付番号を記入し、それぞれの品物に貼って、収集日の朝8時30分までに持ち出し場所に出す。

受付番号は、申し込みの際に確認できます。

❹収集

粗大ごみ収集作業員が持ち出し場所から収集する。

立ち会いは不要です

建物内からの持ち出しは行いません。

※粗大ごみ福祉ふれあい収集（下記参照）を除く

■持ち出し場所　一戸建て…敷地内の門の脇などへ　集合住宅…１階のわかりやすい所へ

粗大ごみ収集シール

シールには、320円・640円・1,280円・1,950円の４種類があります。

※手数料が1,920円の品物には、640円と1,280円のシールを貼ってください。

※1,950円のシールは、家電リサイクル対象品（エアコン、テレビ、冷蔵庫、冷凍庫、洗濯機、衣類乾燥機）専用になります。

●シールには、氏名または受付番号を記入してください。（記入がないものは収集できません。）（受付番号は、申し込みの際に確認できます。）

●シールを貼っていないもの、手数料が不足しているものは収集できません。

●シールの払い戻し、再発行はできません。金額を確認のうえ、手数料をお支払いください。

相模原市
粗大ごみ収集シール
取扱店

粗大ごみ収集シール取扱店

このステッカーを掲示している、コンビニエンスストア、商店会、商工会で取り扱っています。

はがきの申し込みは

はがきでの申し込みもできます。

北清掃工場宛に、住所、氏名、電話番号（昼間の連絡先）、粗大ごみの持ち出し場所、粗大ごみの品目・個数を記入の上、お申し込みください。後日、収集日をお知らせします。

【申し込み先】北清掃工場
住所：〒252-0134　緑区下九沢2074-2

粗大ごみ福祉ふれあい収集

一人暮らしをしている高齢者（65歳以上）の方や障害のある方等で、自分で粗大ごみを持ち出すことができない方を対象とした制度です。

詳細につきましては、戸別収集のお電話で申し込みの際に、ご確認ください。

Rác cồng kềnh

Có tính phí

Địa điểm thu gom rác - rác tài nguyên sẽ không thu gom rác định kỳ.

Máy lạnh, ti vi, tủ lạnh - tủ đông, máy giặt - máy sấy quần áo ▶ đến trang 23
Máy tính ▶ đến trang 17

- Nếu đăng ký trước, sẽ đến thu gom tận nhà ..... ① Thu gom theo hộ (theo như dưới đây)
- Tự mình trực tiếp mang đến cơ sở ..... ② Vận chuyển trực tiếp (đến trang 23)

Vui lòng thông báo phương pháp thu gom thích hợp.

①Thu gom theo hộ

Ngày thu gom là khoảng sau 7~14 ngày kể từ ngày tiếp nhận đăng ký.

1 Đăng ký thu gom

◯Vì trong sáng thứ hai điện thoại rất khó kết nối nên nếu có thể, vui lòng hợp tác bằng cách điện thoại vào chiều thứ hai hoặc vào ngày khác.
◯Cuối năm là thời điểm quá tải. Nếu muốn được thu gom trong năm, vui lòng đăng ký sớm.

Đăng ký qua điện thoại	Đăng ký qua internet
Văn phòng tiếp nhận rác cồng kềnh **ĐT: 042-774-9933** Thời gian tiếp nhận: Thứ hai ~ Thứ sáu (trừ ngày lễ - 29/12 ~ 3/1) Từ 8 giờ sáng ~ 6 giờ chiều	Có thể đăng ký trên trang chủ thành phố Sagamihara hoặc theo đường dẫn dưới đây. **URL: https://www.sodai-city.jp/sagamihara/pc/index.html**

● Đăng ký ▶▶ Khi đăng ký, chúng tôi sẽ báo lệ phí, ngày thu gom, nơi đem bỏ nên vui lòng ghi chú lại. Trường hợp đang ký qua internet, chúng tôi sẽ thông báo bằng mail vào ngày hôm sau.
* Đối với "đồ gỗ trong nhà" còn sử dụng được, sau khi thông báo cho bãi tái chế là đồ gỗ trong nhà tái sử dụng, bãi tái chế sẽ tiến hành rút thăm và bán lại cho những người cần. Những người muốn tái sử dụng vui lòng khai báo khi đăng ký. (Tốn lệ phí xử lý rác)

2 Trả lệ phí

Trả lệ phí, sau đó nhận "Nhãn dán thu gom rác cồng kềnh" tại các đại lý "Nhãn dán thu gom rác cồng kềnh".
* Vui lòng xác nhận xem có dấu đã thu tiền không.

Vui lòng xác nhận với đại lý khi đăng ký.

3 Đem bỏ

Điền tên họ và mã số tiếp nhận vào "Nhãn dán thu gom rác cồng kềnh", sau đó dán vào từng đồ vật, rồi mang ra nơi đem bỏ trước 8:30 sáng của ngày thu gom.

Có thể xác nhận mã số tiếp nhận khi đăng ký.

4 Thu gom

Nhân viên thu gom rác cồng kềnh sẽ thu gom rác từ nơi đem bỏ.

Không cần có mặt xem

Không vào tận tòa nhà để thu gom.
* Ngoại trừ "Trao đổi về phúc lợi thu gom rác cồng kềnh" (tham khảo dưới đây)

■ **Nơi đem bỏ** Nhà riêng: để bên cạnh cổng trong khuôn viên Chung cư: mang đến nơi dễ thấy ở tầng 1

Nhãn dán thu gom rác cồng kềnh

Có 4 loại nhãn dán: 320 yên - 640 yên - 1.280 yên - 1.950 yên.
* Nếu loại rác có lệ phí là 1.920 yên, vui lòng dán nhãn 640 yên và 1.280 yên.
* Nhãn dán 1.950 yên thường sử dụng cho các thiết bị điện gia dụng có thể tái chế (máy lạnh, ti vi, tủ lạnh - tủ đông, máy giặt - máy sấy quần áo).

- Vui lòng ghi họ tên hoặc mã số tiếp nhận lên nhãn dán. (Các loại rác không ghi sẽ không được thu gom.) (Có thể xác nhận mã số tiếp nhận khi đăng ký.)
- Các loại rác không dán nhãn và các loại rác không trả đủ lệ phí sẽ không được thu gom.)
- Không thể hoàn trả, cấp lại nhãn dán. Sau khi xác nhận số tiền, vui lòng trả lệ phí.

相模原市
粗大ごみ収集シール
取扱店

Đại lý nhãn dán thu gom rác cồng kềnh
Dán nhãn dính này, và sử dụng tại các cửa hàng tiện lợi, cửa hàng, Phòng Thương mại và Công nghiệp.

Đăng ký bằng Bưu thiếp

Cũng có thể đăng ký bằng **bưu thiếp**.
Sau khi ghi địa chỉ, họ tên, số điện thoại (người liên lạc vào ban ngày), nơi đem bỏ rác cồng kềnh, số lượng - loại rác cồng kềnh, vui lòng đăng ký với nhà máy xử lý rác Kita.
Chúng tôi sẽ thông báo ngày thu gom rác vào hôm sau.
[Nơi đăng ký] Kita Seiso Kojo (Nhà máy xử lý rác Kita)
Địa chỉ: Midori-ku, Shimokuzawa, 2074-2, 〒252-0134

"Kết hợp tổ chức phúc lợi thu gom rác cồng kềnh"

Chế độ dành cho đối tượng là những người không thể đem bỏ rác cồng kềnh như người cao tuổi neo đơn (từ 65 tuổi trở lên), người khuyết tật, v.v...
Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng xác nhận khi đăng ký thu gom rác theo hộ bằng điện thoại.

主な粗大ごみ品目・手数料一覧表（金額は戸別収集時のものです）

- 粗大ごみとは、家具や自転車、布団など比較的大きなものや、家電製品などで小さくても燃やす前に砕かなければならないものです。**大きさの目安は、電気製品は30cm以上、それ以外のものは50cm以上のものです。また、材質や形状によっては小さなものでも粗大ごみになるもの（★）があります。**
- 大きさにより手数料が異なるものや、大きさ・重さ・材質などによっては解体していただく必要がありますので、お申し込みの際に粗大ごみ受付事務所に確認してください。
- 「粗大ごみ収集シール」の払い戻し、再発行はできませんので、お申し込みの際に金額を確認のうえ、手数料をお支払いください。

電気・ガス・石油・ちゅう房器具			手数料
あ	アイロン	★	320円
	映像・音響機器（単体のもの　アンプ、チューナー、レコーダー、プレーヤー、デッキ等）		320円
	温水洗浄機付便座		320円
か	加湿器		320円
	ガステーブル（ガスこんろ、カセットコンロ）	★	320円
	ガス台		640円
	換気扇		320円
	給湯器（電気温水器を除く）	床置き型のもの	640円
		床置き型以外のもの	320円
	空気清浄機		320円
	クッキングヒーター	★	320円
さ	照明器具		320円
	除湿機		320円
	食器洗い乾燥機		640円
	食器乾燥機		320円
	ステレオセット	高さ及び幅が80cm未満のもの	640円
		高さ又は幅が80cm以上のもの	1,280円
	ストーブ類（ストーブ、ファンヒーター、オイルヒーター等）	★	320円
	スピーカー	高さ及び幅が60cm未満のもの（1本）	320円
		高さ又は幅が60cm以上のもの（1本）	640円
	ズボンプレッサー		320円
	扇風機		320円
	掃除機		320円
た	調理器（グリル鍋、炊飯器、トースター、ホットプレート、電気ポット、餅つき器等）	★	320円
	調理台（システムキッチン等の一体型のものを除く）		640円
	テレビアンテナ		320円
	電気こたつ（こたつ板を含む）	最大の辺又は径が1m未満のもの	320円
		最大の辺又は径が1m以上のもの	640円
	電子レンジ	★	640円
	電子レンジ台		640円
な	流し台		640円
は	パソコン周辺機器（プリンター、スキャナー等）		320円
	ファクシミリ（電話機と一体になったものを含む）		320円
	布団乾燥機		320円
	ふろがま		640円
	ホットカーペット	広さが3畳以下のもの	320円
		広さが3畳を超えるもの	640円
ま	ミシン	卓上型のもの ★	320円
		卓上型以外のもの（付属のいすを含む） ★	1,280円
わ	ワードプロセッサー		320円
家具・寝具・建具			**手数料**
あ	アコーディオンカーテン		320円
	衣装箱（4箱まで）		320円
	いす	応接用で1人用のもの	640円
		応接用で2人以上用のもの	1,280円
		応接用いす以外のもの	320円
	衣類乾燥機台		320円
	オーディオラック	高さ及び幅が1m未満のもの	640円
		高さ又は幅が1m以上のもの	1,280円
か	カーペット、じゅうたん	広さが3畳以下のもの	320円
		広さが3畳を超えるもの	640円
	カラーボックス		320円
	鏡台		640円
	げた箱	高さ及び幅が1m未満のもの	640円
		高さ又は幅が1m以上のもの	1,280円
さ	サイドボード	高さ及び幅が1m未満のもの	640円
		高さ又は幅が1m以上のもの	1,280円
	スチール棚（背板及び側板が無いもの）	高さ及び幅が1m未満のもの	320円
		高さ又は幅が1m以上のもの	640円
	洗面化粧台		1,280円
た	建具（網戸、障子、ふすま等　ただし、玄関ドアを除く）		320円
	たんす（茶だんすを除く）	高さ及び幅が1m未満のもの	640円
		高さ又は幅が1m以上のもの	1,280円
	机	両そでのもの	1,280円
		両そで以外のもの	640円
	テーブル	最大の辺又は径が1m未満のもの	640円
		最大の辺又は径が1m以上のもの	1,280円
	テレビ台	高さ及び幅が60cm未満のもの	320円
		高さ又は幅が60cm以上のもの	640円

家具・寝具・建具			手数料
た	戸棚（食器棚、茶だんす、本棚等）	高さ及び幅が1m未満のもの	640円
		高さ又は幅が1m以上のもの	1,280円
は	布団（2枚まで　掛布団、敷布団、電気毛布等）	★	320円
	ブラインド		320円
	ベッド（ベッドマットレスは除く）	シングル・セミダブル・ダブルベッド、二段ベッド、バイプベッド等	1,280円
	ベビーベッド		320円
	ベッドマットレス	スプリング付のもの ★	640円
		スプリングの無いもの ★	320円
ら	ロッカー	幅が60cm未満のもの	640円
		幅が60cm以上のもの	1,280円
わ	ワゴン	最大の辺又は径が1m未満のもの	320円
		最大の辺又は径が1m以上のもの	640円
趣味・スポーツ・レジャー用品			**手数料**
あ	オルガン	電子オルガン	1,920円
		電子オルガン以外のもの	1,280円
か	楽器（オルガンを除く）	ドラムセット	1,280円
		キーボード、ギター等	320円
	クーラーボックス		320円
	健康器具	電動式ランニングマシーン	640円
		サイクリングマシーン、ぶら下がり器	640円
		美容器具等	320円
	工具類（大工道具等）		320円
	工具類（電動工具）	★	320円
	ゴルフ用具（一式又は単品）		320円
さ	サーフボード		320円
	車両装備品	ルーフボックス	640円
		スキーキャリア、チャイルドシート等	320円
	スキー用具（一式又は単品）		320円
	スノーボード		320円
た	体重計	★	320円
	テント一式		320円
は	発電機（携帯用のものに限る）		640円
	ヘルメット（車又はオートバイ用）	★	320円
	ボウリング用のボール	★	320円
ま	マッサージ機	いす型のもの	1,280円
		いす型以外のもの	320円
その他			**手数料**
あ	編み機		320円
か	傘（10本まで）		320円
	車いす		320円
	子供用遊具類	一輪車、ベビーバス、歩行器、ゆりかご、幼児用三輪車等	320円
		すべり台、ブランコ	640円
	コンポスト容器		320円
さ	作業用具類（くわ、スコップ、竹ぼうき等）		320円
	作業用台車		640円
	室内用物干し		320円
	自転車（電動式はバッテリーを除く）		640円
	芝刈り機		320円
	ショッピングカート、手押し車		320円
	水槽		640円
	スーツケース		320円
た	トタン板（180cm×90cm　3枚まで）		320円
は	はしご、脚立		320円
	ペット小屋	木製又はスチール製のもの	640円
		木製又はスチール製以外のもの	320円
	ベニヤ板（180cm×90cm　1枚）		320円
	ベビーカー		320円
	ホースリール台（ホースを含む）		320円
	ポリタンク（灯油用など）	★	320円
ま	物置	プラスチック製のもの	320円
		プラスチック製以外のもので、高さ及び幅が1m未満のもの	1,280円
		プラスチック製以外のもので、高さ又は幅が1m以上のもの	1,920円
	物干竿（4本まで）		320円
や	浴槽（ポリエステル製のものに限る）		1,280円

上記品目には、機能、形態等が類似した品物を含みます。
一覧表にないものはお問い合わせください。

粗大ごみ（戸別収集）に関するお問い合わせは　粗大ごみ受付事務所　☎ 042-774-9933

※おかけ間違いのないようにご注意ください。

Bảng danh sách lệ phí - danh mục các loại rác cồng kềnh chủ yếu (Số tiền là khoản thu khi thu gom theo hộ)

- Đối với rác cồng kềnh là những vật tương đối lớn như đồ gỗ trong nhà, ô tô, chăn nệm, v.v..., hay những vật nhỏ như hàng điện gia dụng, v.v..., phải đập vỡ trước khi đốt. **Tiêu chuẩn về kích thước của hàng điện tử là từ 30cm trở lên, của những mặt hàng khác là từ 50cm trở lên. Hơn nữa, tùy theo chất liệu hay hình dáng mà có những vật dù có kích thước nhỏ cũng được xem rác cồng kềnh (★).**
- Vì có những vật có lệ phí khác nhau tùy vào kích thước hay có những vật cần phải tháo rời các bộ phận tùy theo kích thước, trọng lượng, chất liệu, v.v..., nên vui lòng xác nhận với văn phòng tiếp nhận rác cồng kềnh khi đăng ký.
- Vì không thể hoàn trả, cấp lại "Nhãn dán thu gom rác cồng kềnh", nên sau khi xác nhận số tiền khi đăng ký, vui lòng thanh toán lệ phí.

*Sắp xếp theo thứ tự 50 ký tự hiragana trong tiếng Nhật.

Thiết bị điện - Khí đốt - Dầu hỏa - Dụng cụ nhà bếp			Lệ phí
あ	Bàn ủi ★		320 yên
	Các thiết bị âm thanh - hình ảnh (các vật đơn giản…âm ly, bộ điều chỉnh, máy ghi âm, máy hát, đầu máy, v.v...)		320 yên
	Bồn cầu điện tử		320 yên
か	Máy giữ độ ẩm không khí		320 yên
	Bếp ga rời (bếp ga, bếp ga mini) ★		320 yên
	Tủ bếp ga		640 yên
	Quạt thông gió		320 yên
	Máy nước nóng (Ngoại trừ máy nước nóng bằng điện)	Loại máy đặt trên mặt đất	640 yên
		Loại máy không đặt trên mặt đất	320 yên
	Máy lọc không khí		320 yên
	Bếp từ ★		320 yên
さ	Thiết bị chiếu sáng		320 yên
	Máy hút ẩm		320 yên
	Máy rửa và sấy bát		640 yên
	Máy sấy bát		320 yên
	Dàn âm thanh nổi	Dàn có chiều cao và chiều rộng dưới 80cm	640 yên
		Dàn có chiều cao và chiều rộng từ 80cm trở lên	1,280 yên
	Các loại lò sưởi (lò sưởi, quạt sưởi, máy sưởi dầu, v.v...) ★		320 yên
	Loa	Loa có chiều cao và chiều rộng dưới 60cm (1 cái)	320 yên
		Loa có chiều cao và chiều rộng từ 60cm trở lên (1 cái)	640 yên
	Bàn ủi lì quần		320 yên
	Quạt máy		320 yên
	Máy hút bụi		320 yên
た	Dụng cụ làm bếp (nồi nướng điện, nồi cơm điện, lò nướng điện, chảo nướng, ấm điện, máy trộn bột, v.v...) ★		320 yên
	Bàn làm bếp (trừ những vật gắn với nhà bếp theo hệ thống, v.v...)		640 yên
	Ăng ten ti vi		320 yên
	Bàn sưởi điện (Kể cả mặt bàn)	Bàn có cạnh lớn nhất hoặc đường kính dưới 1m	320 yên
		Bàn có cạnh lớn nhất hoặc đường kính từ 1m trở lên	640 yên
	Lò vi sóng ★		640 yên
	Kệ để lò vi sóng		640 yên
な	Bồn rửa		640 yên
は	Thiết bị ngoại vi của máy tính (máy in, máy scan, v.v...)		320 yên
	Máy fax (Kể cả những vật gắn với điện thoại)		320 yên
	Máy sấy chăn nệm		320 yên
	Lò sưởi phòng tắm		640 yên
	Thảm điện	Thảm có chiều rộng từ 3 chiếu trở xuống	320 yên
		Thảm có chiều rộng hơn 3 chiếu	640 yên
ま	Máy may	Máy loại để bàn ★	320 yên
		Máy không phải loại để bàn (kể cả ghế đi kèm) ★	1,280 yên
わ	Máy đánh chữ		320 yên
Đồ gỗ trong nhà - giường - đồ đạc trong nhà			**Lệ phí**
あ	Rèm xếp		320 yên
	Tủ quần áo (dưới 4 ngăn)		320 yên
	Ghế	Ghế dùng để tiếp 1 khách	640 yên
		Ghế dùng để tiếp từ 2 khách trở lên	1.280 yên
		Không phải ghế dùng để tiếp khách	320 yên
	Bàn máy sấy khô quần áo		320 yên
	Kệ đầu máy ti vi	Kệ có chiều cao và chiều rộng dưới 1m	640 yên
		Kệ có chiều cao và chiều rộng từ 1m trở lên	1,280 yên
か	Thảm trải sàn, thảm	Thảm có chiều rộng từ 3 chiếu trở xuống	320 yên
		Thảm có chiều rộng hơn 3 chiếu	640 yên
	Kệ nhiều màu		320 yên
	Gương soi		640 yên
	Kệ giày	Kệ có chiều cao và chiều rộng dưới 1m	640 yên
		Kệ có chiều cao và chiều rộng từ 1m trở lên	1.280 yên
さ	Tủ búp-phê	Tủ có chiều cao và chiều rộng dưới 1m	640 yên
		Tủ có chiều cao và chiều rộng từ 1m trở lên	1.280 yên
	Kệ thép (Kệ không có mặt lưng và mặt bên hông)	Kệ có chiều cao và chiều rộng dưới 1m	320 yên
		Kệ có chiều cao và chiều rộng từ 1m trở lên	640 yên
	Bồn rửa mặt		1.280 yên
た	Đồ đạc trong nhà (cửa lưới, vách ngăn, cửa giấy, v.v... nhưng trừ cửa ra vào)		320 yên
	Tủ (trừ tủ đựng dụng cụ pha trà)	Tủ có chiều cao và chiều rộng dưới 1m	640 yên
		Tủ có chiều cao và chiều rộng từ 1m trở lên	1.280 yên
	Bàn	Bàn có hai tủ	1.280 yên
		Không phải bàn có hai tủ	640 yên
	Bàn	Bàn có cạnh lớn nhất hoặc đường kính dưới 1m	640 yên
		Bàn có cạnh lớn nhất hoặc đường kính từ 1m trở lên	1.280 yên
	Kệ ti vi	Kệ có chiều cao và chiều rộng dưới 60cm	320 yên
		Kệ có chiều cao và chiều rộng từ 60cm trở lên	640 yên

Đồ gỗ trong nhà - giường - đồ đạc trong nhà			Lệ phí
た	Tủ chén bát (tủ chén, tủ đựng dụng cụ pha trà, kệ sách, v.v...)	Tủ có chiều cao và chiều rộng dưới 1m	640 yên
		Tủ có chiều cao và chiều rộng từ 1m trở lên	1.280 yên
は	Chăn nệm (dưới 2 tấm, khăn trải giường, nệm giường, chăn điện, v.v...)		320 yên
	Mành cửa		320 yên
	Giường (trừ nệm giường)	Giường đơn - giường ba phần tư - giường đôi, giường 2 tầng, giường sắt, v.v...	1.280 yên
	Giường em bé		320 yên
	Nệm giường	Nệm có gắn lò xo ★	640 yên
		Nệm không gắn lò xo ★	320 yên
ら	Tủ có khóa	Tủ có chiều rộng dưới 60cm	640 yên
		Tủ có chiều rộng từ 60cm trở lên	1,280 yên
わ	Xe goòng	Xe có cạnh lớn nhất hoặc đường kính dưới 1m	320 yên
		Xe có cạnh lớn nhất hoặc đường kính từ 1m trở lên	640 yên
Đồ dùng theo sở thích - Đồ thể thao - Đồ giải trí			**Lệ phí**
あ	Đàn organ	Đàn organ điện tử	1.920 yên
		Loại không phải đàn organ điện tử	1.280 yên
か	Nhạc cụ (trừ đàn organ)	Bộ trống	1.280 yên
		Phím đàn, đàn guitar, v.v...	320 yên
	Thùng giữ nhiệt		320 yên
	Dụng cụ thể thao	Máy chạy bộ điện	640 yên
		Máy tập xe đạp, dụng cụ đu người	640 yên
		Dụng cụ làm đẹp, v.v...	320 yên
	Các loại dụng cụ (dụng cụ làm mộc, v.v...)		320 yên
	Các loại dụng cụ (dụng cụ điện, v.v...) ★		320 yên
	Dụng cụ chơi gôn (một bộ hay từng cái)		320 yên
さ	Ván lướt sóng		320 yên
	Thiết bị trong xe ô tô	Ba ga mui xe	640 yên
		Ba ga mui xe dùng để gắn ván trượt tuyết, ghế trẻ em dùng để ngồi trong ô tô , v.v...	320 yên
	Dụng cụ trượt tuyết (một bộ hay từng cái)		320 yên
	Ván trượt tuyết		320 yên
た	Cân sức khỏe ★		320 yên
	1 bộ lếu bạt		320 yên
は	Máy phát điện (dành cho loại xách tay)		640 yên
	Mũ bảo hiểm (dùng cho xe ô tô hoặc xe mô tô) ★		320 yên
	Bóng bowling ★		320 yên
ま	Máy mát xa	Loại ghế ngồi	1.280 yên
		Loại không phải ghế ngồi	320 yên
Khác			**Lệ phí**
あ	Máy đan len		320 yên
か	Ô (dưới 10 cây)		320 yên
	Xe lăn		320 yên
	Trang thiết bị đồ chơi ngoài trời cho trẻ em	Xe một bánh, bồn tắm cho em bé, dụng cụ trợ giúp người đi bộ, cái nôi, xe đạp 3 bánh dành cho trẻ em, v.v...	320 yên
		Cầu trượt, xà treo	640 yên
	Thùng ủ phân trộn từ rác hữu cơ (phân compost)		320 yên
さ	Các dụng cụ trồng trọt (cuốc, xẻng, chổi tre, v.v...)		320 yên
	Xe đẩy hàng		640 yên
	Giá phơi đồ trong nhà		320 yên
	Xe đạp (trừ động cơ điện dùng bình ắc quy)		640 yên
	Máy cắt cỏ		320 yên
	Xe đẩy hàng siêu thị, xe đẩy bằng tay		320 yên
	Bể chứa nước		640 yên
	Va li		320 yên
た	Thép tấm mạ kẽm (180cm×90cm dưới 3 tấm)		320 yên
は	Cầu thang, thang xếp		320 yên
	Nhà nhỏ của vật nuôi	Nhà bằng gỗ hay bằng thép	640 yên
		Nhà không phải bằng gỗ hay bằng thép	320 yên
	Ván ép (180cm×90cm 1 tấm)		320 yên
	Xe đẩy trẻ con		320 yên
	Cuộn ống dẫn nước (bao gồm ống nước)		320 yên
	Can nhựa (như chứa dầu hỏa) ★		320 yên
ま	Nhà kho	Làm bằng nhựa	320 yên
		Kho không phải làm bằng nhựa, có chiều cao và chiều rộng dưới 1m	1.280 yên
		Kho không phải làm bằng nhựa, có chiều cao và chiều rộng từ 1m trở lên	1.920 yên
	Cây phơi (dưới 4 cây)		320 yên
や	Bồn tắm (dành cho loại làm từ nhựa polyeste)		1.280 yên

Trong danh mục các loại trên cũng bao gồm các vật có chức năng, hình dáng, v.v... tương tự. Những loại không có trong danh sách trên, vui lòng liên hệ lại.

Liên hệ khi có thắc mắc về rác cồng kềnh (thu gom theo hộ) Văn phòng tiếp nhận rác cồng kềnh ĐT: 042-774-9933

*** Vui lòng lưu ý để không gọi nhầm.**

②直接搬入　予約は必要ありませんので、次の施設に車で、直接持ち込んでください。

●家庭から出され、自ら持ち込む粗大ごみに限ります。

南部粗大ごみ受入施設　南区麻溝台3-5-15　☎042-767-5305
※平成29年4月移転予定
北部粗大ごみ受入施設　緑区下九沢2083-1　☎042-775-5333
津久井クリーンセンター　緑区青山3385-2　☎042-784-2711

MAP 施設案内図▶32ページ

南部・北部粗大ごみ受入施設には一般ごみ、乾電池、資源、容器包装プラの持ち込みはできません。
津久井クリーンセンターは、粗大ごみの他、一般ごみ、乾電池、資源、容器包装プラも持ち込むことができます。

受付

月曜日～土曜日（12月31日～1月3日を除く）
※祝日も持ち込めます
午前9時～午後4時

●土曜日は混雑しますので、できるだけ平日にご利用ください。

手数料

手数料は持ち込み時に、現金でお支払いください。
基本料金　150円（10kgまで）
10kgごとに150円が加算されます。

●年末は大変混雑しますので、早めの持ち込みにご協力ください。

1. 受付：受付窓口で搬入申請書に記入し、計量カードを受け取る。
2. 1回目の計量：計量器に載り、総重量を計る。
3. 粗大ごみを降ろす：係員の指示に従い、施設内にご自分で粗大ごみを降ろす。
4. 2回目の計量：計量器に載り、荷降ろし後の重量を計る。
5. 支払い：支払い窓口で計量カードを返却し、手数料を現金で支払う。

搬入申請書は相模原市ホームページからダウンロードもできます。

市で処理できないものは持ち込むことができません。（13ページをご覧ください。）

家電リサイクル（特定家庭用機器）

ごみの減量や資源の有効利用を図るため、平成13年4月に施行された家電リサイクル法に基づき、製造メーカーがリサイクルしています。家庭で不要となった家電リサイクル対象品を廃棄する際は、下図に従って処分してください。

●家電リサイクル法対象品の処理方法

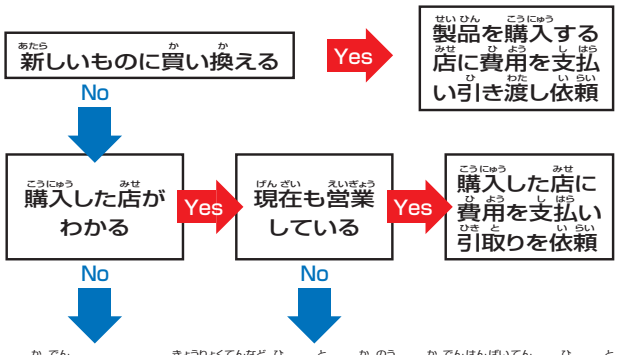

○家電リサイクル協力店等引き取り可能な家電販売店に引き取りを依頼する。
※家電リサイクル協力店については、市ホームページを確認してください。
○市が販売店に代わって引き取り、指定引取場所に引き渡します。

①メーカー名（ロゴマーク）、テレビの場合は画面サイズ（何型）、冷蔵庫・冷凍庫の場合は全定格内容積（何ℓ）を確認する。
②郵便局にある専用の振込取扱票でリサイクル料金を振込み（別に振込手数料が必要）、家電リサイクル券を受け取る。
※郵便局又はゆうちょ銀行所定のATMでリサイクル料金を振り込んだものは対象外。
③
- 自宅回収の場合：「粗大ごみ受付事務所」に申し込む。（別に粗大ごみ収集シールで収集運搬手数料が1,950円/1品かかります。）
※建物内からの収集は行いません。
- 持ち込みの場合：家電リサイクル券を持って直接「粗大ごみ受入施設」または「津久井クリーンセンター」に持ち込む。（別に現金で運搬手数料が1,300円/1品かかります。）

リサイクル料金・対象品目に関するお問い合わせ先

家電リサイクル券センター
0120-319640（午前9時～午後5時、日・祝日休み）

リサイクル料金（税込）	品目	リサイクル料金※
	エアコン	972円～9,720円
	テレビ	1,836円～3,688円
	冷蔵庫・冷凍庫	3,672円～6,037円
	洗濯機・衣類乾燥機	2,484円～3,310円

※リサイクル料金は製造メーカー及びサイズにより異なる場合があります。

ホームページは検索サイトから　家電リサイクル券センター　検索

不法投棄は犯罪です！

道路や空き地などに、廃棄物を捨てることは、悪質な犯罪です。「廃棄物の処理及び清掃に関する法律」違反により、5年以下の懲役か1千万円以下の罰金、場合によってはその両方が科せられます。

② Vận chuyển trực tiếp

Vì không cần đặt trước nên vui lòng mang trực tiếp đến cơ sở dưới đây bằng xe.

Chỉ dành cho rác cồng kềnh của hộ gia đình, và tự mang đến.

Cơ sở tiếp nhận rác cồng kềnh Nanbu Minami-ku, Asamizodai, 3-5-15 ĐT: 042-767-5305
* Dự định di dời vào tháng 4 năm 2017
Cơ sở tiếp nhận rác cồng kềnh Hokubu Midori-ku, Shimokuzawa, 2083-1 ĐT: 042-775-5333
Trung tâm dịch vụ vệ sinh Tsukui Midori-ku, Aoyama, 3385-2 ĐT: 042-784-2711

MAP Sơ đồ hướng dẫn cơ sở ▶Trang 32

Không thể mang rác thải thông thường, pin khô, rác tài nguyên, nhựa của bao hộp gói đến Cơ sở tiếp nhận rác cồng kềnh Nanbu - Hokubu.
Ngoài rác cồng kềnh, có thể mang rác thải thông thường, pin khô, rác tài nguyên, nhựa của bao hộp gói đến Trung tâm dịch vụ vệ sinh Tsukui.

Tiếp nhận

Thứ hai ~ Thứ bảy (trừ ngày 31/12 ~ 3/1)
* Ngày lễ cũng có thể mang đến
9 giờ sáng ~ 4 giờ chiều

Vì thứ bảy rất đông, nên nếu có thể, vui lòng mang rác đến vào ngày thường.

Lệ phí

Vui lòng trả bằng tiền mặt khi trả lệ phí.
Lệ phí cơ bản 150 Yên (dưới 10kg)
Cứ mỗi 10kg cộng thêm 150 Yên.

Vì cuối năm sẽ quá tải, vui lòng cố gắng mang rác đến sớm.

1. **Tiếp nhận** — Điền vào đơn đăng ký vận chuyển rác tại quầy tiếp nhận, sau đó nhận thẻ cân đo.
2. **Cân đo lần thứ 1** — Đưa xe lên dụng cụ cân đo, cân tổng trọng lượng.
3. **Bốc dỡ rác cồng kềnh** — Tự mình bốc dỡ rác cồng kềnh vào trong cơ sở theo chỉ dẫn của người nhân viên.
4. **Cân đo lần thứ 2** — Đưa xe lên dụng cụ cân đo, cân trọng lượng sau khi bốc dỡ rác xuống.
5. **Thanh toán** — Hoàn trả thẻ cân đo tại quầy tiếp nhận, trả lệ phí bằng tiền mặt.

Đơn đăng ký vận chuyển rác có thể tải về từ trang chủ của thành phố Sagamihara.

Không thể mang đến những thứ không thể xử lý trong thành phố. (Vui lòng tham khảo trang 25.)

Tái chế đồ điện gia dụng
(Máy dùng trong gia đình)

Để giảm thiểu lượng rác và sử dụng hiệu quả rác tài nguyên, các nhà sản xuất thực hiện tái chế rác dựa trên Luật tái chế đồ điện gia dụng được thi hành từ tháng 4/2001. Khi vứt bỏ các sản phẩm thuộc đối tượng tái chế đồ điện gia dụng không còn cần thiết trong gia đình, vui lòng xử lý theo sơ đồ dưới đây.

Phương pháp xử lý các sản phẩm thuộc đối tượng tái chế đồ điện gia dụng

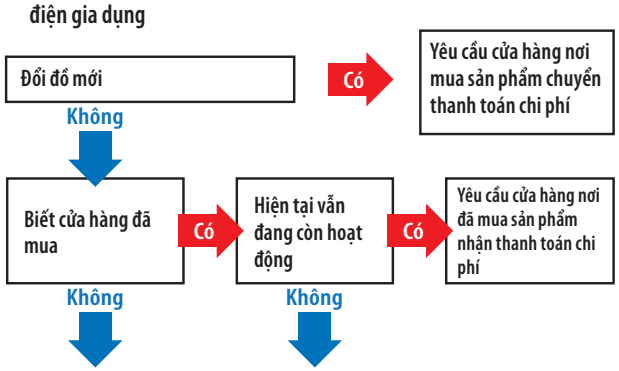

Nơi liên hệ về lệ phí tái chế - danh mục đối tượng

Trung tâm phát hành phiếu tái chế đồ điện gia dụng
0120-319640 (9:00 sáng ~ 5:00 chiều, nghỉ Chủ nhật và ngày lễ)

	Danh mục	Lệ phí tái chế*
Lệ phí tái chế (có thuế)	Máy lạnh	972 yên ~ 9.720 yên
	Ti vi	1.836 yên ~ 3.688 yên
	Tủ lạnh - tủ đông	3.672 Yên ~ 6.037 yên
	Máy giặt - máy sấy khô quần áo	2.484 yên ~ 3.310 yên

* Lệ phí tái chế có khi khác nhau tùy theo nhà sản xuất và kích thước.
Trang chủ: http://www.rkc.aeha.or.jp

◯Yêu cầu cửa hàng bán đồ điện gia dụng có thể thu lại như cửa hàng hợp tác tái chế đồ điện gia dụng thu lại đồ cũ.
* Về cửa hàng hợp tác tái chế đồ điện gia dụng, vui lòng xác nhận trên trang chủ của thành phố.
◯Thành phố sẽ thay cho các cửa hàng bán ra thu lại đồ cũ, sau đó chuyển cho nơi thu nhận đã chỉ định.

① Xác nhận tên nhà sản xuất (logo nhà sản xuất), trường hợp ti vi thì kiểm tra kích thước màn hình (loại gì), trường hợp tủ lạnh - tủ đông thì kiểm tra dung tích quy định (bao nhiêu lít).
② Chuyển khoản phí tái chế bằng phiếu xử lý chuyển khoản chuyên dụng có tại bưu điện (ngoài ra, cần có phí chuyển khoản), sau đó nhận phiếu tái chế đồ điện gia dụng.
* Không áp dụng chuyển khoản phí tái chế qua bưu điện hoặc ATM của Ngân hàng Bưu điện Nhật Bản (Japan Post Bank).
③

Trường hợp thu hồi tại nhà	Đăng ký tại "Văn phòng tiếp nhận rác cồng kềnh". (Ngoài ra, lệ phí vận chuyển thu gom bằng nhãn dán thu gom rác cồng kềnh là 1.950 yên/1 kiện.) * Không thu gom rác trong tòa nhà.
Trường hợp mang đến	Mang theo phiếu tái chế đồ điện gia dụng, rồi trực tiếp mang đến "Cơ sở tiếp nhận rác cồng kềnh" hoặc "Tsukui Clean Center". (Ngoài ra, lệ phí vận chuyển bằng tiền mặt là 1.300 yên/1 kiện.)

Vứt rác bừa bãi là phạm tội!

Vứt rác trên đường hay đất trống, v.v... là một tội ác xấu xa. Theo "Luật về thu dọn và xử lý rác thải", nếu vi phạm, sẽ bị phạt tù cao nhất 5 năm hay đóng tiền phạt cao nhất đến 10 triệu yên, tùy theo trường hợp mà có thể áp dụng cả hai hình phạt này.

市では処理できないものがあります。

有害性、危険性のあるものや破砕、焼却できないものなど、市では処理できないものがあります。購入される際に販売店に引き取りが可能かご確認ください。また、業者に工事を頼んで出たごみは、工事を請け負った業者に処理を依頼してください。

●市では処理できないもの（主な品目）

■自動車・バイクの部品

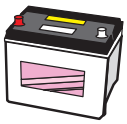
■バッテリー

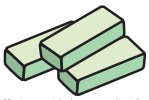
※一部市で引取りが可能です。下記をご覧ください。
■コンクリート製品

■土（園芸用土）・砂・石

■灯油・オイルなど

■農薬・塗料など

■消火器

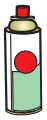
■スプレー缶、カセットボンベの中身の入っているもの

■LPガス容器

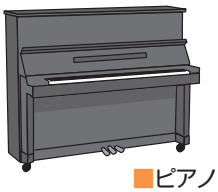
■ピアノ

■つけもの石（コンクリート製以外）

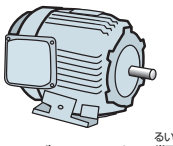
■エンジン・モーター類

買い替えのときなど、各販売店か専門の業者に相談してください。

※有料となる場合があります。

販売店での引き取りができない場合の相談は…
※相談先は民間の団体になります。

タイヤ※タイヤ以外の部品は取り扱いできません。
神奈川県タイヤ商工協同組合 第5ブロック ☎042-752-2501
神奈川県自動車整備振興会 津久井支部 ☎042-784-0005

LPガス容器（カセットボンベは製造元へ問い合わせ）
神奈川県LPガス協会 相模原支部 ☎042-766-9905
神奈川県LPガス協会 津久井支部 ☎042-784-8177

バッテリー（車・バイク用）※バッテリー以外の部品は取り扱いできません。
神奈川県自動車電装品整備商工組合中央支部 ☎042-761-8771
神奈川県自動車整備振興会津久井支部 ☎042-784-0005

消火器
相模原市防災設備協同組合 ☎042-740-1222
（株）消火器リサイクル推進センター ☎03-5829-6773

本来、市では処理できない品目のうち、次の5品目については粗大ごみとして出せます。

■コンクリートブロック（1回につき6個まで）

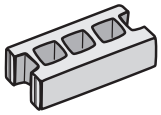

■レンガ（1回につき15個まで）

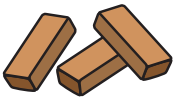

※コンクリートブロック、レンガは建築部材、構造物として使用していたものは処理できません。

■耐火金庫（扉が開くものに限る）

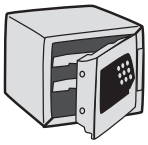

■物干し台（コンクリート製）

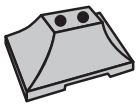

■つけもの石（コンクリート製）

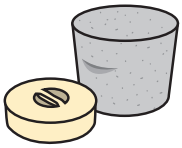

出し方 北清掃工場へ直接持ち込んでください。
受付 月曜日～金曜日（祝日を除く） 午前8時30分～午前11時45分／午後1時～午後4時
手数料 持ち込み時に、現金でお支払いください。
基本料金 150円（10kgまで）、10kgごとに150円加算されます。

自動二輪車

（原動機付自転車を含む）
市では取り扱いません

国内の二輪車メーカーと輸入事業者による、オートバイ、原動機付自転車のリサイクルシステムが行われています。

「廃棄二輪車取扱店」または「指定引取窓口」に引き渡す
※「廃棄二輪車取扱店」に引き渡すときは、「リサイクル料金」・「収集・運搬料金」が必要になる場合があります。

Motorcycle Recycling 廃棄二輪車取扱店
廃棄二輪車取扱店ステッカー

お問い合わせ先
販売店または二輪車リサイクルコールセンター（自動車リサイクル促進センター）
☎050-3000-0727（午前9時30分～午後5時、土・日・祝日・年末年始等は休み）

ホームページは検索サイトから 二輪車リサイクル 検索

Những thứ không thể xử lý trong thành phố.

Những thứ không thể xử lý ở thành phố, như đồ vật có tính gây hại, gây nguy hiểm và đồ vật không thể đốt cháy, nghiền nhỏ, v.v... Khi mua hàng, vui lòng xác nhận xem cửa hàng có thể thu lại hay không. Ngoài ra, rác thuộc trách nhiệm thi công của doanh nghiệp, vui lòng yêu cầu doanh nghiệp thầu công trình thi công xử lý.

Những thứ không thể xử lý ở thành phố (danh mục các loại chủ yếu)

■ Linh kiện ô tô, xe máy

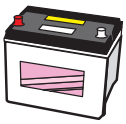

■ Bình ắc quy

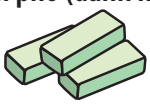

* Một phần, là những thứ có thể thu lại trong thành phố. Vui lòng xem dưới đây.

■ Sản phẩm từ bê tông

■ Đất (đất làm vườn), cát, đá

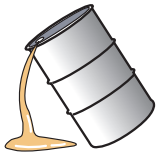

■ Dầu hỏa, dầu máy, v.v...

■ Thuốc trừ sâu, sơn, v.v...

■ Bình chữa cháy

■ Bình xịt, khí chứa bên trong bình ga mini

■ Bình ga LP

■ Đàn dương cầm

■ Hòn đá nén dưa cà (ngoại trừ sản phẩm từ bê tông)

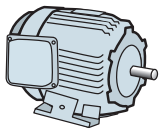

■ Các loại động cơ, mô tơ

Khi đổi hàng, v.v...vui lòng trao đổi với các cửa hàng hoặc doanh nghiệp chuyên môn. * Trường hợp có tính phí.

Trao đổi trong trường hợp cửa hàng không thể thu lại hàng...
* Bên trao đổi là tổ chức tư nhân.

Lốp xe* Không thể xử lý bộ phận khác ngoại trừ lốp xe.
Khu 5 của Hợp tác xã công thương về lốp xe thuộc tỉnh Kanagawa
ĐT: 042-752-2501
Chi nhánh Tsukui của Hội xúc tiến bảo dưỡng xe ô tô thuộc tỉnh Kanagawa,
ĐT: 042-784-0005

Bình ga LP (Bình ga mini vui lòng liên hệ với nhà máy sản xuất)
Chi nhánh Sagamihara của Hiệp hội gas LP thuộc tỉnh Kanagawa ĐT: 042-766-9905
Chi nhánh Tsukui của Hiệp hội gas LP thuộc tỉnh Kanagawa ĐT: 042-784-8177

Bình ắc quy (dùng cho xe ô tô, xe máy)*Không thể xử lý linh kiện khác ngoại trừ bình ắc quy.
Chi nhánh Chuo của Hiệp hội công thương về bảo dưỡng thiết bị điện trên xe ô tô thuộc tỉnh Kanagawa ĐT: 042-761-8771
Chi nhánh Tsukui của Hội xúc tiến bảo dưỡng xe ô tô thuộc tỉnh Kanagawa
ĐT: 042-784-0005

Bình chữa cháy
Hợp tác xã về thiết bị phòng chống thiên tai của thành phố Sagamihara ĐT: 042-740-1222
(CTCP) Trung tâm xúc tiến tái chế bình chữa cháy ĐT: 03-5829-6773

Vốn dĩ, trong số các danh mục rác không thể xử lý trong thành phố, chúng tôi xin đưa ra 5 danh mục rác cồng kềnh sau đây.

■ Gạch khối bê tông (Tối đa 6 khối 1 lần)

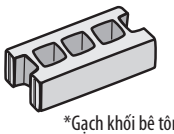

■ Gạch (Tối đa 15 viên 1 lần)

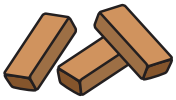

*Gạch khối bê tông, gạch được dùng trong kết cấu xây dựng, công trình kiến trúc thì không thể xử lý.

■ Két sắt chịu nhiệt (Giới hạn chống cháy khi cửa tủ đang mở)

■ Giá phơi đồ (Sản phẩm từ bê tông)

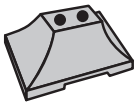

■ Hòn đá nén dưa cà (Sản phẩm từ bê tông)

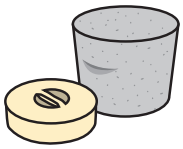

Cách vứt bỏ Vui lòng trực tiếp mang đến nhà máy xử lý rác Kita.
Tiếp nhận Thứ hai ~ thứ sáu (ngoại trừ ngày lễ) 8 giờ 30 phút sáng ~ 11 giờ 45 phút sáng/1 giờ chiều ~ 4 giờ chiều
Lệ phí Vui lòng thanh toán bằng tiền mặt khi mang rác đến.
Chi phí cơ bản 150 yên (tối đa 10kg), cứ 10kg sẽ thu thêm 150 yên.

Xe mô tô hai bánh

(Bao gồm xe đạp có gắn động cơ)
Không xử lý trong thành phố

Tùy thuộc vào nhà sản xuất và doanh nghiệp nhập khẩu xe hai bán trong nước mà hệ thống tái chế xe máy, xe đạp có gắn động cơ được thực hiện.

Bàn giao cho "Cửa hàng xử lý xe hai bánh thải bỏ" hoặc "Quầy tiếp nhận chỉ định"
* Khi bàn giao cho "Cửa hàng xử lý xe hai bánh thải bỏ" thì có trường hợp cần phải trả "phí tái chế" - "phí thu gom, vận chuyển".

Dán nhãn Cửa hàng xử lý xe hai bánh thải bỏ

Nơi liên hệ
Cửa hàng hoặc Trung tâm tái chế xe hai bánh (Trung tâm xúc tiến tái chế xe ô tô)
ĐT: 050-3000-0727 (9 giờ 30 phút sáng ~ 5 giờ chiều, các ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ và ngày tết, v.v...nghỉ)
URL: http://www.jarc.or.jp/motorcycle/

収集曜日一覧

該当する収集曜日を確認してください。
収集（夜間含む）に関するお問い合わせは…所管の事業所へご連絡ください。

★印の地区の一部では、一般ごみ・乾電池は夜間に戸別収集しています。
★資源と容器包装プラは各区分に示す曜日の午前中に戸別収集を行っています。

夜間戸別収集エリア

緑区	(橋本3・6丁目) の一部
中央区	(鹿沼台1・2丁目、上溝3～7丁目、淵野辺3～5丁目、矢部2・3丁目、相模原1～5丁目) の一部
南区	(相模大野3・5・6丁目、相南4丁目、相武台1丁目、東林間4～6丁目、松が枝町) の一部

収集の所管事業所は

赤字 津久井クリーンセンター ☎042-784-2711
青字 橋本台環境事業所 ☎042-772-0218
黒字 麻溝台環境事業所 ☎042-747-1241

緑区

町名・大字	一般ごみ	乾電池	資源	容器包装プラ
あ				
相原	月・木	木	水	火
青根	水・土	土	火	金
青野原	水・土	土	火	金
青山	火・金	金	月	木
太井（下記以外）	月・木	木	金	火
太井（金丸、根本）	火・金	金	月	木
大島	火・金	金	月	土
大山町	月・木	木	火	金
小倉	月・木	木	土	水
小原	月・木	木	水	土
小渕	月・木	木	水	土
か				
上九沢	火・金	金	月	土
川尻（原宿）	月・木	木	土	水
川尻（向原）	火・金	金	木	月
川尻（小松、城北、中沢）	水・土	土	木	月
久保沢	火・金	金	木	月
さ				
佐野川	月・木	木	水	土
澤井	月・木	木	水	土
下九沢（緑区のみ）	水・土	土	金	木
城山	水・土	土	木	月
寸沢嵐	水・土	土	火	金
た				
田名（緑区のみ）	水・土	土	木	月
谷ヶ原	水・土	土	木	月
千木良	火・金	金	月	木
鳥屋	水・土	土	金	火
な				
中沢	水・土	土	木	月
長竹	火・金	金	月	木

町名・大字	一般ごみ	乾電池	資源	容器包装プラ
な				
中野（下記以外）	月・木	木	金	火
中野（金丸）	火・金	金	月	木
名倉	水・土	土	火	金
西橋本	水・土	土	木	月
二本松	水・土	土	木	月
根小屋	火・金	金	月	木
は				
橋本 ★3・6丁目の一部→夜間収集※	月・木 ※水・土	木 ※土	火	金
橋本台	水・土	土	木	月
葉山島	月・木	木	土	水
原宿	月・木	木	土	水
原宿南	月・木	木	土	水
東橋本	月・木	木	火	金
日連	火・金	金	水	土
広田	火・金	金	木	月
ま				
牧野	水・土	土	火	金
又野	月・木	木	金	火
町屋	火・金	金	土	水
三井	月・木	木	金	火
三ケ木	水・土	土	金	火
向原	火・金	金	木	月
元橋本町	月・木	木	水	火
や				
吉野	火・金	金	水	土
与瀬	月・木	木	水	土
与瀬本町	月・木	木	水	土
わ				
若葉台	水・土	土	木	月
若柳	火・金	金	月	木

Danh sách các ngày thu gom

Vui lòng xác định ngày thu gom thích hợp.
Liên hệ liên quan đến việc thu gom (gồm cả việc thu gom vào ban đêm): vui lòng liên hệ với cơ quan có thẩm quyền.

★ Một phần khu vực đóng dấu là rác thải thông thường, pin khô được thu gom theo hộ gia đình vào ban đêm.
★ Rác thải tài nguyên và nhựa của bao hộp gói được tiến hành thu gom theo hộ gia đình vào buổi sáng của ngày thông báo ở từng khu vực phân loại.

Khu vực thu gom theo hộ gia đình vào ban đêm

Quận Midori	Một phần (phường 3 và 6 Hashimoto)
Quận Chuo	Một phần (phường 1 và 2 Kunumadai, phường 3~7 Kamimizo, phường 3~5 Fuchinobe, phường 2 và 3 Yabe, phường 1~5 Sagamihara)
Quận Minami	Một phần (phường 3, 5 và 6 Sagami-Ono, phường 4 Sonan, phường 1 Sobudai, phường 4~6 Higashi - Rinkan, Matsugae-cho)

Cơ quan có thẩm quyền thu gom rác là

Chữ màu đỏ
Tsukui Clean Center — ĐT: 042-784-2711
Chữ màu xanh
Văn phòng môi trường Hashimotodai — ĐT: 042-772-0218
Chữ màu đen
Văn phòng môi trường Asamizodai — ĐT: 042-747-1241

Quận Minami

*Sắp xếp theo thứ tự 50 ký tự hiragana trong tiếng Nhật.

	Tên phố - chữ in hoa	Rác thải thông thường	Pin khô	Rác thải tài nguyên	Nhựa của bao hộp gói
あ	Aihara	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ tư	Thứ ba
	Aone	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ ba	Thứ sáu
	Aonohara	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ ba	Thứ sáu
	Aoyama	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ hai	Thứ năm
	Oi (Ngoại trừ những ngày dưới đây)	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ ba
	Oi (Kanamaru, Nemoto)	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ hai	Thứ năm
	Oshima	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ hai	Thứ bảy
	Oyama-cho	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ ba	Thứ sáu
	Ogura	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ bảy	Thứ tư
	Obara	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ tư	Thứ bảy
	Obuchi	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ tư	Thứ bảy
か	Kamikuzawa	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ hai	Thứ bảy
	Kawashiri (Harajuku)	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ bảy	Thứ tư
	Kawashiri (Mukaihara)	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ năm	Thứ hai
	Kawashiri (Komatsu, Johoku, Nakazawa)	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ năm	Thứ hai
	Kubosawa	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ năm	Thứ hai
さ	Sanogawa	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ tư	Thứ bảy
	Sawai	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ tư	Thứ bảy
	Shimokuzawa (Chỉ quận Midori)	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ sáu	Thứ năm
	Shiroyama	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ năm	Thứ hai
	Suwarashi	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ ba	Thứ sáu
た	Tana (Chỉ quận Midori)	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ năm	Thứ hai
	Tanigahara	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ năm	Thứ hai
	Chigira	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ hai	Thứ năm
	Toya	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ sáu	Thứ ba
な	Nakazawa	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ năm	Thứ hai
	Nagatake	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ hai	Thứ năm

	Tên phố - chữ in hoa	Rác thải thông thường	Pin khô	Rác thải tài nguyên	Nhựa của bao hộp gói
な	Nakano (Ngoại trừ những ngày dưới đây)	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ ba
	Nakano (Kanamaru)	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ hai	Thứ năm
	Nagura	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ ba	Thứ sáu
	Nishi-Hashimoto	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ năm	Thứ hai
	Nihonmatsu	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ năm	Thứ hai
	Negoya	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ hai	Thứ năm
は	Hashimoto ★ Một phần tại phường 3 và 6 → Thu gom vào ban đêm*	Thứ hai - thứ năm *Thứ tư - thứ bảy	Thứ năm *Thứ bảy	Thứ ba	Thứ sáu
	Hashimotodai	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ năm	Thứ hai
	Hayamajima	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ bảy	Thứ tư
	Harajuku	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ bảy	Thứ tư
	Harajuku-minami	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ bảy	Thứ tư
	Higashi-Hashimoto	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ ba	Thứ sáu
	Hizure	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ tư	Thứ bảy
	Hirota	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ năm	Thứ hai
ま	Magino	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ ba	Thứ sáu
	Matano	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ ba
	Machiya	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ bảy	Thứ tư
	Mii	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ ba
	Mikage	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ sáu	Thứ ba
	Mukaihara	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ năm	Thứ hai
	Moto-Hashimoto-cho	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ tư	Thứ ba
や	Yoshino	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ tư	Thứ bảy
	Yose	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ tư	Thứ bảy
	Yose-Honcho	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ tư	Thứ bảy
わ	Wakabadai	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ năm	Thứ hai
	Wakayanagi	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ hai	Thứ năm

中央区

町名・大字	一般ごみ	乾電池	資源	容器包装プラ
あ				
相生	水・土	土	木	月
青葉	月・木	木	土	火
大野台（中央区のみ）	月・木	木	火	水
小山	月・木	木	火	金
か				
鹿沼台 ★1・2丁目の一部→夜間収集	月・木	木	水	土
上溝 ★3～7丁目の一部→夜間収集	火・金	金	水	土
上矢部	月・木	木	金	火
共和	月・木	木	水	土
向陽町	月・木	木	火	金
小町通	火・金	金	月	木
さ				
相模原 ★1～5丁目の一部→夜間収集	火・金	金	土	水
下九沢（中央区のみ）	水・土	土	金	木
水郷田名	水・土	土	木	月
すすきの町	月・木	木	火	金
清新	月・木	木	水	土
た				
高根	月・木	木	土	水
田名（中央区のみ）	水・土	土	木	月
田名塩田	水・土	土	木	月
中央	火・金	金	木	月
千代田	水・土	土	火	木
な				
並木	月・木	木	土	火
は				
東淵野辺	月・木	木	水	土
光が丘	月・木	木	土	火
氷川町	月・木	木	火	金
富士見	火・金	金	木	月
淵野辺1～4丁目 ★淵野辺3～4丁目の一部→夜間収集	月・木	木	金	火
淵野辺5丁目 ★淵野辺5丁目の一部→夜間収集	月・木	木	金	火
淵野辺本町1・2丁目	月・木	木	金	火
淵野辺本町3～5丁目	月・木	木	金	火
星が丘	水・土	土	火	木
ま				
松が丘	月・木	木	土	水
緑が丘	月・木	木	金	水
南橋本	火・金	金	水	土
宮下	月・木	木	火	金
宮下本町	月・木	木	火	金
や				
弥栄	月・木	木	土	水
矢部 ★矢部2・3丁目の一部→夜間収集※	火・金 ※水・土	金 ※土	木	月
矢部新町	月・木	木	金	火
陽光台	月・木	木	金	水
横山	火・金	金	月	木
横山台	火・金	金	月	木
由野台	月・木	木	水	土

Quận Chuo

*Sắp xếp theo thứ tự 50 ký tự hiragana trong tiếng Nhật.

	Tên phố - chữ in hoa	Rác thải thông thường	Pin khô	Rác thải tài nguyên	Nhựa của bao hộp gói
あ	Aioi	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ năm	Thứ hai
	Aoba	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ bảy	Thứ ba
	Onodai (chỉ quận Chuo)	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ ba	Thứ tư
	Oyama	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ ba	Thứ sáu
か	Kanumadai ★Một phần phường 1 và 2 → Thu gom vào ban đêm	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ tư	Thứ bảy
	Kamimizo ★Một phần phường 3~7→ Thu gom vào ban đêm	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ tư	Thứ bảy
	Kamiyabe	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ ba
	Kyowa	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ tư	Thứ bảy
	Koyocho	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ ba	Thứ sáu
	Komachi-dori	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ hai	Thứ năm
さ	Sagamihara ★ Một phần phường 1~5 → Thu gom vào ban đêm	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ bảy	Thứ tư
	Shimokuzawa (chỉ quận Chuo)	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ sáu	Thứ năm
	Suigo-Tana	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ năm	Thứ hai
	Susukino-cho	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ ba	Thứ sáu
	Seishin	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ tư	Thứ bảy
た	Takane	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ bảy	Thứ tư
	Tana (chỉ quận Chuo)	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ năm	Thứ hai
	Tana-Shioda	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ năm	Thứ hai
	Chuo	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ năm	Thứ hai
	Chiyoda	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ ba	Thứ năm
な	Namiki	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ bảy	Thứ ba

	Tên phố - chữ in hoa	Rác thải thông thường	Pin khô	Rác thải tài nguyên	Nhựa của bao hộp gói
は	Higashi-Fuchinobe	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ tư	Thứ bảy
	Hikarigaoka	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ bảy	Thứ ba
	Hikawa-cho	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ ba	Thứ sáu
	Fujimi	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ năm	Thứ hai
	Phường 1~4 Fuchinobe ★ Một phần phường 3~4 Fuchinobe → Thu gom vào ban đêm	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ ba
	Phường 5 Fuchinobe ★ Một phần phường 5 Fuchinobe → Thu gom vào ban đêm	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ ba
	Phường 1 và 2 Fuchinobe-Honcho	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ ba
	Phường 3~5 Fuchinobe-Honcho	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ ba
	Hoshigaoka	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ ba	Thứ năm
ま	Matsugaoka	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ bảy	Thứ tư
	Midorigaoka	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ tư
	Minami-Hashimoto	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ tư	Thứ bảy
	Miyashimo	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ ba	Thứ sáu
	Miyashimo-Honcho	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ ba	Thứ sáu
や	Yaei	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ bảy	Thứ tư
	Yabe ★Một phần phường 2 và 3 thuộc Yabe → Thu gom vào ban đêm*	Thứ ba - thứ sáu *Thứ tư - thứ bảy	Thứ sáu *Thứ bảy	Thứ năm	Thứ hai
	Yabe-Shincho	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ ba
	Yokodai	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ sáu	Thứ tư
	Yokoyama	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ hai	Thứ năm
	Yokoyamadai	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ hai	Thứ năm
	Yoshinodai	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ tư	Thứ bảy

南区

町名・大字	一般ごみ	乾電池	資源	容器包装プラ
あ				
旭町	月・木	木	水	土
麻溝台	火・金	金	木	土
新磯野	火・金	金	月	土
磯部	水・土	土	火	金
鵜野森	火・金	金	月	木
大野台（南区のみ）	月・木	木	火	水
か				
上鶴間	水・土	土	木	月
上鶴間本町	水・土	土	火	金
北里	火・金	金	木	土
古淵	火・金	金	月	木
さ				
栄町	火・金	金	月	木
相模大野 ★3・5・6丁目の一部→夜間収集	水・土	土	金	火
相模台	火・金	金	水	木
相模台団地	火・金	金	木	月
桜台	火・金	金	木	月
下溝	水・土	土	金	火
新戸	水・土	土	火	金
さ				
相南 ★4丁目の一部→夜間収集	月・木	木	土	水
相武台 ★1丁目の一部→夜間収集	火・金	金	土	水
相武台団地	火・金	金	土	水
た				
当麻	水・土	土	金	火
な				
西大沼	火・金	金	水	月
は				
東大沼	火・金	金	水	月
東林間 ★4～6丁目の一部→夜間収集	月・木	木	水	土
双葉	火・金	金	木	月
文京	水・土	土	月	木
ま				
松が枝町 ★松が枝町の一部→夜間収集	月・木	木	土	水
御園	水・土	土	月	木
南台	火・金	金	木	月
や				
豊町	火・金	金	月	木
わ				
若松	火・金	金	水	月

Quận Minami

*Sắp xếp theo thứ tự 50 ký tự hiragana trong tiếng Nhật.

	Tên phố - chữ in hoa	Rác thải thông thường	Pin khô	Rác thải tài nguyên	Nhựa của bao hộp gói
あ	Asahi-cho	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ tư	Thứ bảy
	Asamizodai	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ năm	Thứ bảy
	Araisono	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ hai	Thứ bảy
	Isobe	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ ba	Thứ sáu
	Unomori	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ hai	Thứ năm
	Onodai (chỉ quận Minami)	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ ba	Thứ tư
か	Kami-Tsuruma	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ năm	Thứ hai
	Kami-Tsuruma Honcho	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ ba	Thứ sáu
	Kitazato	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ năm	Thứ bảy
	Kobuchi	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ hai	Thứ năm
さ	Sakae-cho	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ hai	Thứ năm
	Sagami-Ono ★ Một phần phường 3, 5 và 6 → Thu gom vào ban đêm	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ sáu	Thứ ba
	Sagamidai	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ tư	Thứ năm
	Sagamidai-Danchi	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ năm	Thứ hai
	Sakuradai	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ năm	Thứ hai
	Shimomizo	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ sáu	Thứ ba
	Shindo	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ ba	Thứ sáu
さ	Sonan ★Một phần phường 4 → Thu gom vào ban đêm	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ bảy	Thứ tư
	Sobudai ★Một phần phường 1 → Thu gom vào ban đêm	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ bảy	Thứ tư
	Sobudai-Danchi	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ bảy	Thứ tư
た	Taima	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ sáu	Thứ ba
な	Nishi-Onuma	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ tư	Thứ hai
は	Higashi-Onuma	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ tư	Thứ hai
	Higashi-Rinkan ★Một phần phường 4~6 → Thu gom vào ban đêm	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ tư	Thứ bảy
	Futaba	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ năm	Thứ hai
	Bunkyo	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ hai	Thứ năm
ま	Matsugae-cho ★ Một phần Matsugae-cho → Thu gom vào ban đêm	Thứ hai - thứ năm	Thứ năm	Thứ bảy	Thứ tư
	Misono	Thứ tư - thứ bảy	Thứ bảy	Thứ hai	Thứ năm
	Minamidai	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ năm	Thứ hai
や	Yutaka-cho	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ hai	Thứ năm
わ	Wakamatsu	Thứ ba - thứ sáu	Thứ sáu	Thứ tư	Thứ hai

Vui lòng liên hệ

Trung tâm cuộc gọi giải đáp thắc mắc Sagamihara Hướng dẫn cách phân loại, cách vứt bỏ rác thải tài nguyên

ĐT: 042-770-7777
8 giờ sáng ~ 9 giờ chiều (Không có ngày nghỉ trong năm)

Đăng ký thu gom rác cồng kềnh theo hộ gia đình → Trang 19
Chúng tôi sẽ đến thu gom từng nhà khi có đăng ký trước.

Văn phòng tiếp nhận rác cồng kềnh ĐT: 042-774-9933
Thời gian tiếp nhận Thứ hai ~ thứ sáu (ngoại trừ ngày lễ, ngày 29 tháng 12 ~ ngày 3 tháng 1) 8 giờ sáng ~ 6 giờ chiều

Vận chuyển rác cồng kềnh → Trang 23
(Trực tiếp tự mang đến các cơ sở)
Do không cần đặt trước, nên vui lòng trực tiếp chở đến cơ sở sau bằng xe ô tô.
Thời gian tiếp nhận Thứ hai ~ thứ bảy (ngoại trừ ngày 31 tháng 12 ~ ngày 3 tháng 1) 9 giờ sáng ~ 4 giờ chiều

Cơ sở tiếp nhận rác cồng kềnh Nanbu * Dự định di dời vào tháng 4/2017	Minami-ku, Asamizodai 3-5-15	ĐT: 042-767-5305
Cơ sở tiếp nhận rác cồng kềnh Hokubu	Midori-ku, Shimokuzawa 2083-1	ĐT: 042-775-5333
Tsukui Clean Center	Midori-ku, Aoyama 3385-2	ĐT: 042-784-2711

◯Vận chuyển vào khối lượng lớn rác thải thông thường tạm thời
Thời gian tiếp nhận (Thứ hai ~ thứ bảy)
Nhà máy xử lý rác Minami, Kita: 8 giờ 30 phút sáng ~ 11 giờ 45 phút sáng 1 giờ chiều ~ 4 giờ chiều
Tsukui Clean Center: 9 giờ sáng ~ 12 giờ trưa, 1 giờ chiều ~ 4 giờ chiều
* Trường hợp mang đến từ 100kg trở lên thì sẽ tính phí cho toàn bộ khối lượng rác đó.

Nhà máy xử lý rác Minami	Minami-ku, Asamidozai 1524-1	ĐT: 042-748-1133
Nhà máy xử lý rác Kita	Midori-ku, Shimokuzawa 2074-2	ĐT: 042-779-1110
Tsukui Clean Center	Midori-ku, Aoyama 3385-2	ĐT: 042-784-2711

◯Vận chuyển vào khối lượng lớn rác thải tài nguyên, nhựa bao hộp gói (Resource Recycle Station)
Thời gian tiếp nhận: 9 giờ sáng ~ 4 giờ chiều (ngoại trừ ngày 29 tháng 12 ~ ngày 3 tháng 1)
(thứ hai ~ thứ bảy) 9 giờ sáng ~ 12 giờ trưa, 1 giờ chiều ~ 4 giờ chiều (ngoại trừ ngày 31 tháng 12 ~ ngày 3 tháng 1)

Hashimotodai Recycle Square	Midori-ku, Shimokuzawa 2084-3	ĐT: 042-774-2050
Tsukui Clean Center	Midori-ku, Aoyama 3385-2	ĐT: 042-784-2711

◯Nanbu Resource Recycle Station tạm thời
* Cơ sở này sẽ đóng cửa sau khi mở cơ sở Asamizodai Recycle Square (tên gọi tạm thời) được dự kiến mở vào năm 2017.
Thời gian tiếp nhận
Ono Sangyo Corporation (thứ hai ~ thứ bảy) 9 giờ sáng ~ 4 giờ chiều (ngoại trừ ngày 31 tháng 12 ~ ngày 3 tháng 1)

Ono Sangyo Corporation	Minami-ku, Asamizodai 1-8-5	ĐT: 042-767-7535

◯Liên quan đến "Điểm tập kết rác thải và rác thải tài nguyên"
(Bao gồm thông tin mang rác thải tài nguyên đi, hoặc vứt rác bất hợp pháp ở Điểm tập kết rác thải và rác thải tài nguyên)

Văn phòng môi trường Asamizodai	Minami-ku, Asamidozai 1524-1	ĐT: 042-747-1241
Văn phòng môi trường Hashimotodai	Midori-ku, Hashimotodai 2-14-23	ĐT: 042-772-0218
Tsukui Clean Center	Midori-ku, Aoyama 3385-2	ĐT: 042-784-2711

◯Giảm lượng rác thải và tái tài nguyên hóa

Ban xúc tiến tuần hoàn tài nguyên	Tầng 6 văn phòng thị chính thành phố	ĐT: 042-769-8245

◯Liên hệ xử lý xác chết như xác chó, mèo, v.v...trên đường

Nhà máy xử lý rác Kita	Midori-ku, Shimokuzawa 2074-2	ĐT: 042-779-1110

* Vui lòng lưu ý để không gọi nhầm.

Sơ đồ hướng dẫn cơ sở

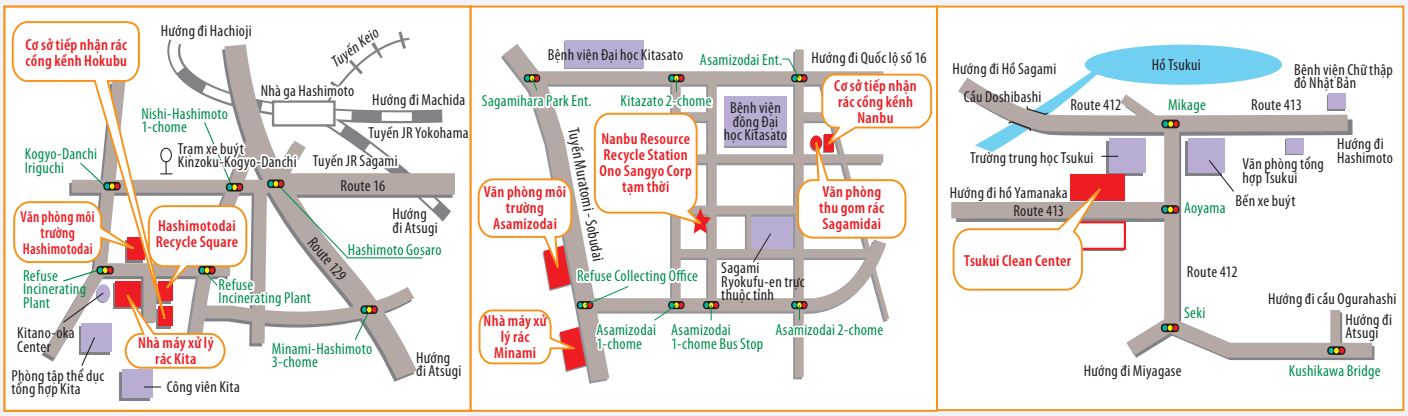

Hướng dẫn tham gia Hội tự quản **Các thành viên trong Hội tự quản sẽ hỗ trợ "cuộc sống thường ngày" của bạn!!**

Hội tự quản là tổ chức tự chủ, tự lập đóng một vai trò chính trong hoạt động khu vực nhằm giải quyết các vấn đề thiết thực như chế độ phúc lợi, làm sạch môi trường, phòng chống tội phạm, ngăn chặn thiên tai, v.v...
Chúng ta hãy cùng tham gia vào Hội tự quản để làm cho "thành phố" của chúng ta đích thực là "thành phố" sạch đẹp!

"Nhằm mục đích biến Sagamihara thành một thành phố tuần hoàn tài nguyên"

Hãy cùng đồng hành phân loại rác chính xác.

Hợp tác xã dự án môi trường thành phố Sagamihara
Tầng 4 Tòa nhà Phòng Thương mại và Công nghiệp Sagamihara-shi, Chuo-ku, Chuo 3-12-3
Điện thoại 042-815-0102 Fax 042-815-0103

[Hội viên (xếp theo thứ tự 50 ký tự hiragana trong tiếng Nhật)]
M&D / Ono Sangyo / Kashimura Shoten / Gion / Gion Recycle / Godo Shigen Service / Sanryo Shoji / Seiwa Service / Sendo Shoten / Takeda Shoten / Midori Kaishu Service / Yamaguchi Shoten